

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hồng
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thu

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIẾP VẬN
HẢI LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hồng
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thu**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng

Mã SV: 120327

Lớp: QT 1206K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Tiếp Vận Hải Long

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Tìm hiểu những vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Đi sâu vào nghiên cứu và mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
 - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp Vận Hải Long trong 2 năm gần đây.
 - Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp Vận hải Long.
 - Một số mẫu bảng biểu của Bộ Tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tiếp Vận Hải Long

Địa chỉ: Phòng 106, Khách sạn Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, quận Hải An, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ths.Nguyễn Thị Thu

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Tiếp Vận Hải Long.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Nguyễn Thị Hồng

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thu

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó, chăm chỉ.
- Khiêm tốn, cầu thị
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng tiến độ làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận tốt nghiệp trình bày trong 133 trang bao gồm cả bảng biểu, kết cấu hợp lý, logic, phù hợp với quy mô khóa luận tốt nghiệp cấp cử nhân

Chương 1: Tác giả trình bày những vấn đề lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, trên cơ sở đó xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Nội dung lý luận cơ bản, chọn lọc, đầy đủ.

Chương 2: Tác giả khảo sát công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long. Tác giả khảo sát một cách có hệ thống từ khâu tổ chức chứng từ, vận dụng tài khoản kế toán, sổ sách kế toán sử dụng theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung áp dụng tại Công ty. Số liệu khảo sát rõ ràng, chi tiết, cụ thể và sâu sắc đã làm rõ quy trình kế toán tại Công ty.

Chương 3: Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, hạn chế, tác giả đã đưa ra một số biện pháp hoàn thiện về áp dụng phần mềm kế toán, mở sổ chi tiết cho TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tiền lương... Các biện pháp đề xuất có cơ sở và căn cứ khoa học.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,5 đ(chín phẩy năm điểm)

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Thu

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Hồng..... Ngày sinh: 09/11/1990

Lớp: QT1206K Ngành: Kế toán kiểm toán Khóa 12

Thực tập tại: Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Từ ngày: ...31.../...01.../2012... đến ngày ...10.../...03.../2012...

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

Ngoan ngoãn, lễ phép với cán bộ công nhân viên của công ty, chấp hành tốt nội quy của công ty, có ý thức học hỏi, tìm hiểu kiến thức thực tế phục vụ cho báo cáo

.....

2. Về những công việc được giao:

Hoàn thành tốt các công việc được giao

.....

.....

.....

3. Kết quả đạt được

Qua quá trình thực tập tại công ty, em Thảo đã biết cách phân loại nghiệp vụ, phân loại chứng từ và từ thực tế ứng dụng vào kiến thức mình đã được học tại trường để hoàn thành báo cáo cũng như thực tế được kiến thức mình đã học tập.

.....

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03. năm 2012

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

GIÁM ĐỐC

Phạm Hùng Sơn

Bùi Thị Ngọc Hà

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản.	3
1.1.1.1. Doanh thu và thu nhập:	3
1.1.1.2. Khái niệm về một số chi phí:	3
1.1.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh:	5
1.1.2. Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp.....	6
1.1.3. Cách thức xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	7
1.1.3.1. Kết quả của hoạt động tài chính:.....	7
1.1.3.2. Kết quả của hoạt động khác:	7
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	8
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	8
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
1.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	12
1.2.1.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	18
1.2.1.4. Kế toán chi phí bán hàng.....	20
1.2.1.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	21
1.2.1.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	24
1.2.2. Tổ chức kế toán thu nhập chi phí và xác định kết quả hoạt động tài chính.....	25
1.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	25
1.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính.	28
1.2.2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động tài chính.	31
1.2.3.2. Kế toán chi phí khác.....	34

1.2.3.3. Kế toán kết quả hoạt động khác.	36
1.2.4. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	37
1.2.5. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.	40
1.2.5.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh.	40
1.2.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	40
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	42
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN HẢI LONG	
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long	48
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	48
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	49
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.....	50
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.....	51
2.1.5. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.....	51
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long	54
2.2.1. Đặc điểm Doanh thu, chi phí tại công ty.....	54
2.2.2. Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long:	54
2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	54
2.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long	62
2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	75
2.2.3. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.....	85
2.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty	85
2.2.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.....	93

2.2.5. Tổ chức kế toán Chi phí thuế TNDN tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long: ..	101
2.2.6. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long:.....	105
CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN HẢI LONG.....	117
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.....	117
3.1.1. Ưu điểm:.....	117
3.1.2.Nhược điểm:.....	118
3.2. Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long	119
3.2.1.Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	119
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long	120
3.2.3. Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.....	121
3.2.3.1. Biện pháp 1: Ứng dụng phần mềm kế toán trong tổ chức tại công ty	121
3.2.3.2. Biện pháp 2: Hoàn thiện về sổ sách kế toán	122
3.2.3.3. Biện pháp 3:Hoàn thiện về công tác quản lý công nợ	126
3.2.3.4. Biện pháp 4: Hoàn thiện về chi phí tiền lương:	126
3.2.3.5. Biện pháp 5: Hoàn thiện về tổ chức nhân sự:	131
3.2.3.5. Biện pháp 6: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:.....	131
KẾT LUẬN	135

LỜI NÓI ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thương mại nói riêng. Xác định doanh thu, chi phí là 1 giai đoạn không thể thiếu trong mỗi chu kì kinh doanh vì nó có tính quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Bên cạnh đó xác định kết quả kinh doanh là thành quả lao động cuối cùng, là mục tiêu sống còn của doanh nghiệp. Đồng thời tạo nguồn thu chủ yếu cho ngân sách nhà nước và thúc đẩy xã hội phát triển. Vì vậy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng nó sẽ giúp cho nhà quản trị có cái nhìn đúng đắn về thực trạng doanh nghiệp mình. Từ đó đề ra các biện pháp và kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn kinh doanh của doanh nghiệp.

Với những nhận thức về tầm quan trọng của đề tài: “ *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long*” . Sau khi được trang bị kiến thức ở nhà trường và qua thời gian tìm hiểu tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long em đã chọn đề tài này cho bài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu:

Làm rõ hơn về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói chung và của công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long nói riêng để tìm hiểu những mặt đã làm được những hạn chế còn tồn tại qua đó đưa ra một số đề xuất để góp phần hoàn thiện hơn nữa về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài là toàn bộ chứng từ kế toán, sổ sách kế toán có liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.

4. Phương pháp nghiên cứu:

Khóa luận sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu chủ yếu là những phương pháp sau:

- Phương pháp thống kê
- Phương pháp thu thập liệt kê số liệu
- Phương pháp phân tích
- Phương pháp so sánh

5. Kết cấu đề án:

Nội dung của bài khóa luận ngoài phần mở đầu được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.

Được sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên Th.s Nguyễn Thị Thu và các anh chị trong phòng kế toán Công ty TNHH Vận Hải Long, nhưng với kiến thức, kinh nghiệm còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được góp ý, nhận xét của các thầy cô giáo để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn, cũng là cơ hội để em học tập và trau dồi thêm kiến thức cho nghiệp vụ kế toán thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản.

1.1.1.1. Doanh thu và thu nhập:

- Doanh thu: Là tổng hợp giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng, bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu hoạt động tài chính: Là khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu, tiền lãi, chênh lệch tỉ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán, thu từ chiết khấu thanh toán được hưởng, thu từ bán hàng trả chậm trả góp...

- Thu nhập khác: Là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu nhập được ngoài sản xuất kinh doanh thông thường như thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, số tiền do doanh nghiệp được phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu từ nhận tài trợ viện trợ...

1.1.1.2. Khái niệm về một số chi phí:

➤ Khái niệm chi phí:

- Chi phí là phí tổn tài nguyên, vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh, được tài trợ

bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ.

➤ **Giá vốn hàng bán:**

- Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (Trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm (đối với Doanh nghiệp sản xuất), là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua hàng hóa (đối với Doanh nghiệp thương mại).

➤ **Chi phí bán hàng:**

- Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm:

- + Chi phí về nhân viên bán hàng
- + Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Chi phí vật liệu phục vụ bán hàng
- + Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.
- + Chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo.
- + Chi phí hoa hồng đại lý.
- + Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa
- + Chi phí khác bằng tiền phục vụ công tác bán hàng...

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm các chi phí như:

- + Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...)
- + BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho

quản lý doanh nghiệp

- + Tiền thuê đất, thuế môn bài
- + Các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi
- + Dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...)

➤ **Chi phí tài chính:**

- Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính bao gồm:

- + Chi trả tiền lãi từ đi vay ngắn hạn, vay dài hạn
- + Lỗ từ bán chứng khoán
- + Lỗ từ hoạt động góp vốn liên doanh
- + Chênh lệch lỗ tỉ giá hối đoái
- + Chi chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Tiền lãi do mua hàng theo hình thức trả chậm, trả góp

➤ **Chi phí khác:**

- Là chi phí khác là chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn. Chi phí khác bao gồm:

- + Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi nhượng bán, thanh lý
- + Chênh lệch giảm do đánh giá lại TSCĐ
- + Chi do tài trợ, viện trợ biểu tặng
- + Số tiền doanh nghiệp bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

1.1.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

- Lợi nhuận khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.2. Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp.

Phân loại hoạt động trong DN là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh. Hoạt động trong DN có thể được phân loại theo các căn cứ sau:

* *Căn cứ vào cách thức phản ánh của Kế toán tài chính, các hoạt động trong DN được chia thành:*

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là những hoạt động thuộc các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ hay thương mại có liên quan đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ. Đây là hoạt động chủ yếu trong các DN.

+ Hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư vốn vào một DN khác, một lĩnh vực khác với mục đích sinh lời của đồng vốn đầu tư, bao gồm đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn.

Ví dụ: Đầu tư vào thị trường chứng khoán, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...

+ Hoạt động khác: Là những hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của DN: Những hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính. Ví dụ: Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu nợ không có chủ, biếu tặng, viện trợ...

Ý nghĩa: Trên cơ sở cách phân loại này, kế toán tiền hành chi tiết cho từng hoạt động, xác định doanh thu, chi phí của các hoạt động để xác định được kết quả, hiệu quả của từng hoạt động trong DN.

* *Căn cứ vào mối quan hệ với Báo cáo kết quả kinh doanh, các hoạt động trong DN được chia thành:*

+ Hoạt động kinh doanh: Gồm hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính.

+ Hoạt động khác.

Ý nghĩa: Nếu tiến hành phân loại các hoạt động trong DN theo cách này sẽ giúp cho DN lựa chọn và thu thập được các thông tin có liên quan đến các chỉ tiêu

trong Báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó xác định được doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng hoạt động, xác định được lợi nhuận trước thuế, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3.Cách thức xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.3.1. Kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh:

$$\text{DT thuần từ HĐ tiêu thụ SP, HH, DV} = \text{DTBH và CCDV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện qua chỉ tiêu Lãi (lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh (HĐSXKD).

$$\text{Lãi (lỗ) từ HĐ SXKD} = \text{DT thuần từ HĐ tiêu thụ SP, HH, DV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN}$$

Trong đó:

1.1.3.2. Kết quả của hoạt động tài chính:

Kết quả hoạt động tài chính được thể hiện qua chỉ tiêu Lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính (HĐTC).

$$\text{Lãi (lỗ) từ HĐTC} = \text{Doanh thu thuần HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC}$$

1.1.3.3. Kết quả của hoạt động khác:

Kết quả hoạt động khác được thể hiện qua chỉ tiêu Lãi (lỗ) từ hoạt động khác. Nếu phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu này không loại trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu phản ánh vào Tài khoản kế toán sử dụng, khi xác định lãi (lỗ) từ hoạt động khác đã loại trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lãi (lỗ) từ HĐ khác} = \text{Thu nhập thuần khác} - \text{Chi phí khác} - \text{Chi phí Thuế TNDN}$$

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Phản ánh chính xác kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả, đảm bảo thu đủ và kịp thời tiền bán hàng để tránh bị chiếm dụng vốn.

- Phản ánh và giám đốc tình hình thực hiện các chỉ tiêu về tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ như mức bán ra, doanh thu bán hàng và quan trọng là lãi thuần của bán hàng.

- Phản ánh kịp thời đầy đủ, chi tiết sự biến động của hàng hoá ở tất cả các trạng thái: hàng đi đường, hàng trong kho, trong quầy, hàng gia công chế biến, hàng gửi đại lý nhằm đảm bảo an toàn cho hàng hoá.

- Phản ánh và giám đốc kịp thời tình hình thực hiện kết quả tiêu thụ, cung cấp số liệu, lập quyết toán đầy đủ, kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả tiêu thụ cũng như thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

- Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý. Các chứng từ ban đầu phải đầy đủ hợp pháp, luân chuyển khoa học, hợp lý, tránh trùng lặp, bỏ sót.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (Mẫu số 01 – GTKT3/001)

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

- Chứng từ kế toán khác có liên quan như: Phiếu xuất kho bán hàng, hoá đơn vận chuyển, bóc dỡ...

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Gồm tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.

TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK 5114: Doanh thu bán thành phẩm.

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

➤ **Nguyên tắc hạch toán:**

1) Phải thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định 1 cách tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được và sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

2) Là giá không bao gồm VAT trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ

3) Là giá bao gồm cả VAT trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp

4) Doanh thu bán hàng là giá bao gồm cả thuế xuất khẩu, thuế TTĐB

5) Là số tiền hoa hồng được hưởng trong trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý

6) Là giá trả tiền 1 lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng theo hình thức trả chậm trả góp

7) Là số tiền gia công nhận được không bao gồm trị giá vật tư, hàng hóa nhận về gia công nay trả lại

➤ **Kết cấu tài khoản:**

• **Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- **Bên Nợ:**

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.

+ Khoản giảm giá hàng bán

+ Trị giá hàng bán bị trả lại

+ Khoản chiết khấu thương mại

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- **Bên có:**

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

• **Tài khoản 512 : Doanh thu bán hàng nội bộ**

- **Bên Nợ:**

+ Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán nội bộ;

+ Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “ xác định kết quả kinh doanh”

- **Bên Có:**

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kì kế toán;

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ có 3 tài khoản cấp 2:

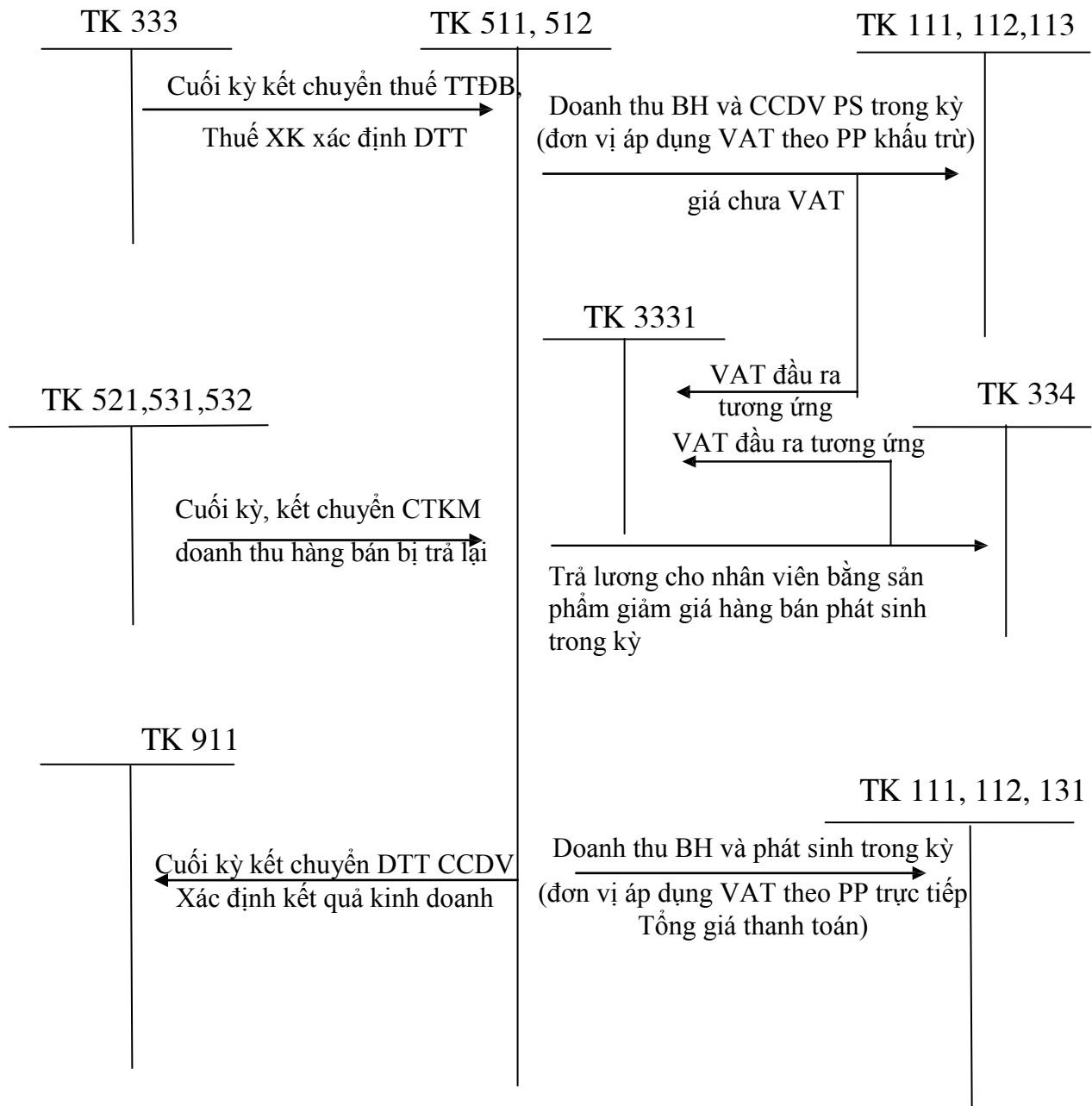
+) TK 5121- Doanh thu bán hàng hóa

+) TK 5122- Doanh thu bán các thành phẩm

+) TK 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ

➤ Phương pháp hạch toán 1 số nghiệp vụ chủ yếu:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán

➤ Nhiệm vụ kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán dùng để phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ; bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của doanh nghiệp xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ý nghĩa của giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng khi xuất kho hàng bán và tiêu thụ. Khi hàng hoá đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả. Do vậy xác định đúng giá vốn hàng bán có ý nghĩa quan trọng và từ đó doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh. Và đối với các doanh nghiệp thương mại thì còn giúp các nhà quản lý đánh giá được khâu mua hàng có đạt hiệu quả hay không để từ đó tiết kiệm chi phí thu mua.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hoá đơn bán hàng giao thẳng
- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

➤ Nguyên tắc hạch toán:

- Chỉ hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

- Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

➤ Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định giá vốn hàng bán:

✓ Phương pháp đơn giá bình quân:

- Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được

mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

- Giá thực tế của hàng xuất kho được tính theo công thức:

Giá thực tế hàng xuất kho = Số lượng hàng hóa xuất kho x đơn giá bình quân

Khi sử dụng giá đơn vị bình quân có thể sử dụng dưới 3 dạng :

Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ : Giá này được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán nên có thể ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập: Phương pháp này đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán vừa đảm bảo được tình hình biến động của giá cả. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn do kế toán phải tính lại giá sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

✓ Phương pháp nhập trước xuất trước:

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ Phương pháp nhập sau xuất trước:

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất sau thì được xuất trước và giá hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho sau hoặc gần sau cùng, giá của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

✓ Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư hàng hóa theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Kết cấu nội dung tài khoản 632:

Bên Nợ :

- Tập hợp giá trị vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

- Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

Bên Có:

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ;

- Kết chuyển giá vốn hàng hoá vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Kết chuyển giá vốn của hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

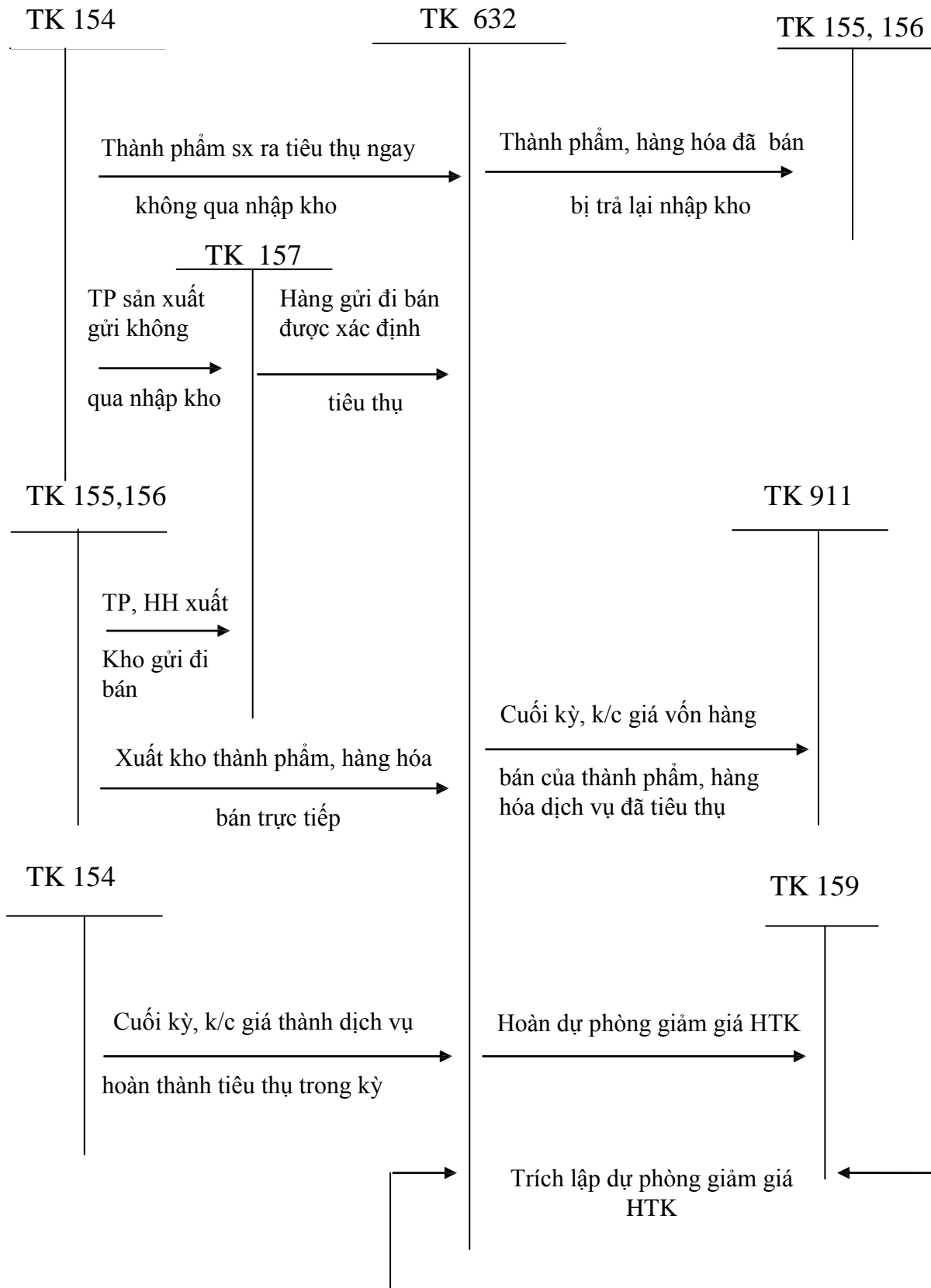
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- Các tài khoản khác liên quan: Tài khoản 155,156, 157, 159, 911

- Trình tự hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

+ Tài khoản 611 “mua hàng”: tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hoá tăng giảm trong kỳ.

Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6111: mua nguyên vật liệu
- Tài khoản 6112: mua hàng hoá;
- + Tài khoản 631: “giá thành sản xuất”.

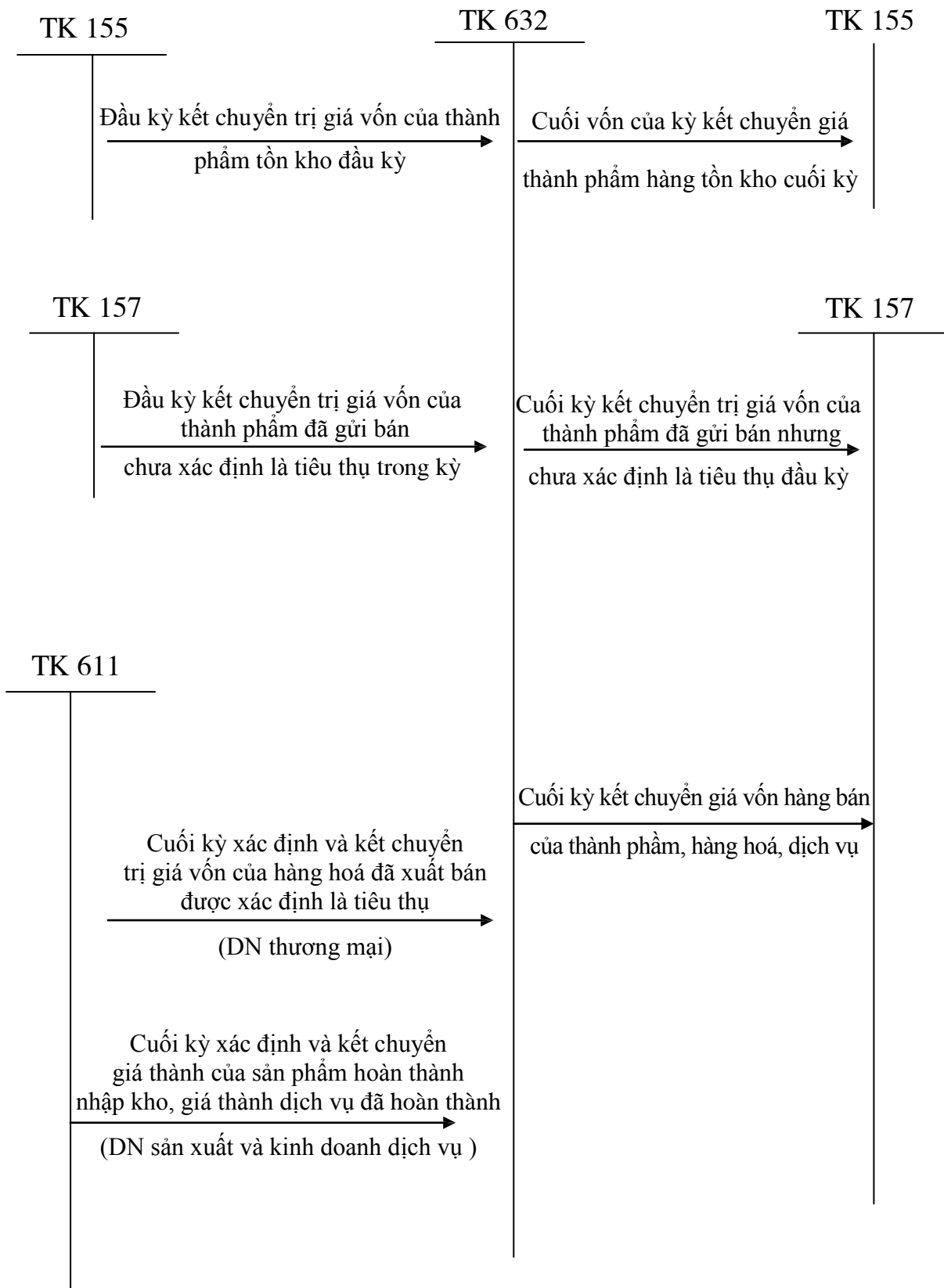
- Kết cấu sử dụng TK 611

Kết cấu tài khoản 611 tương tự TK 632.

➤ Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua *Sơ đồ 1.3* như sau:

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.1.3.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

1. Chiết khấu thương mại: Là số tiền bên mua được hưởng do mua hàng hàng với số lượng theo thỏa thuận
2. Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất
3. Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng
4. Các khoản thuế: VAT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại ...

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- **Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại”(CKTM):** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

- **Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi

phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Bên nợ : Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

- ***Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”***: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên nợ : Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế **Bên có**: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512;

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

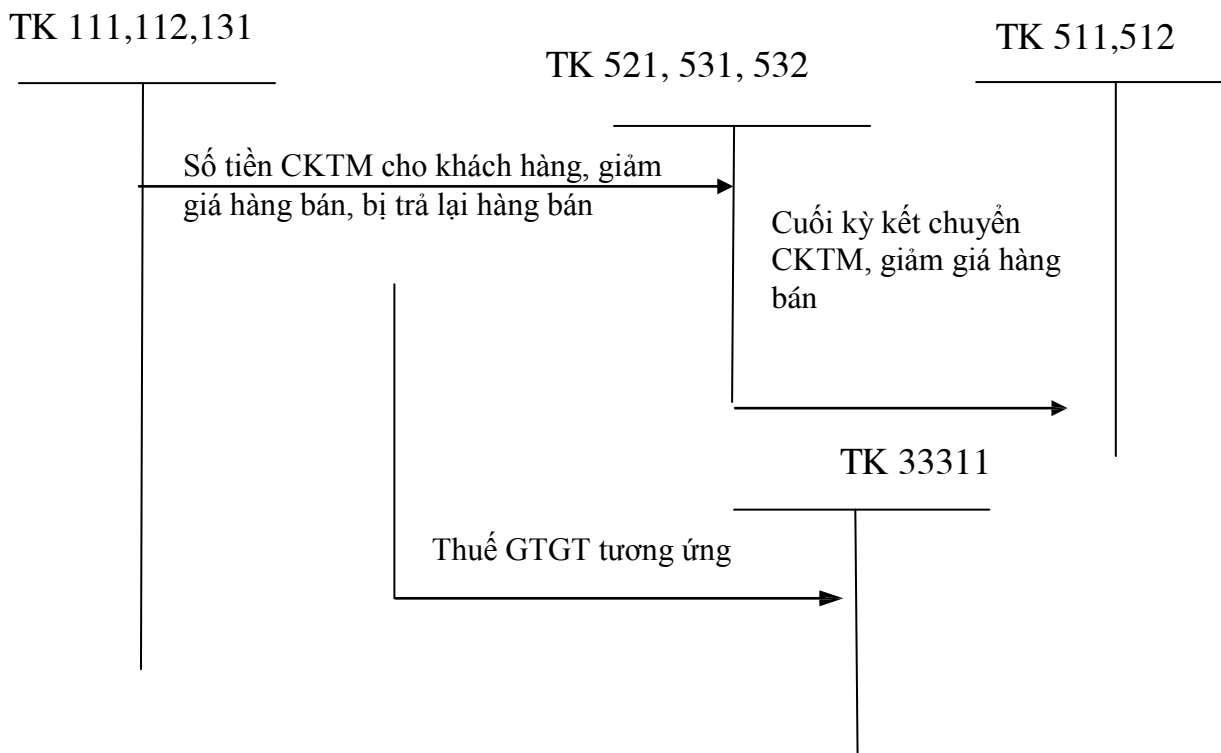
- Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt và kế toán xuất nhập khẩu. Sử dụng các tài khoản sau:

Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt; Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu;

➤ **Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu;**

Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Với chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ 48/2006 ban hành ngày 14/09/2006, khi kế toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán sẽ sử dụng TK 521(chiết khấu thương mại)

Tài khoản 521 được mở chi tiết gồm:

- TK 5211: Chiết khấu hàng hóa
- TK 5212: Chiết khấu thành phẩm
- TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

1.2.1.4.Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản như sau:

- Chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm
- Chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển hàng hóa

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác bán hàng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài...

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng...

➤ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ chi tiết tài khoản 641
- Sổ nhật ký chung (Áp dụng với hình thức nhật ký chung)
- Sổ cái tài khoản 641

➤ **Tài khoản kế toán sử dụng**

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng TK

6414: Chi phí khấu hao TSCĐ TK 6415: Chi phí bảo hành

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.2.1.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản như sau:

- Lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp,

- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động,
- Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp
- Tiền thuê đất, thuê môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi
- Dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác...

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTT 3/001)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

➤ **Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Sổ chi tiết tài khoản 642
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

➤ **Tài khoản kế toán sử dụng:**

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí: TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

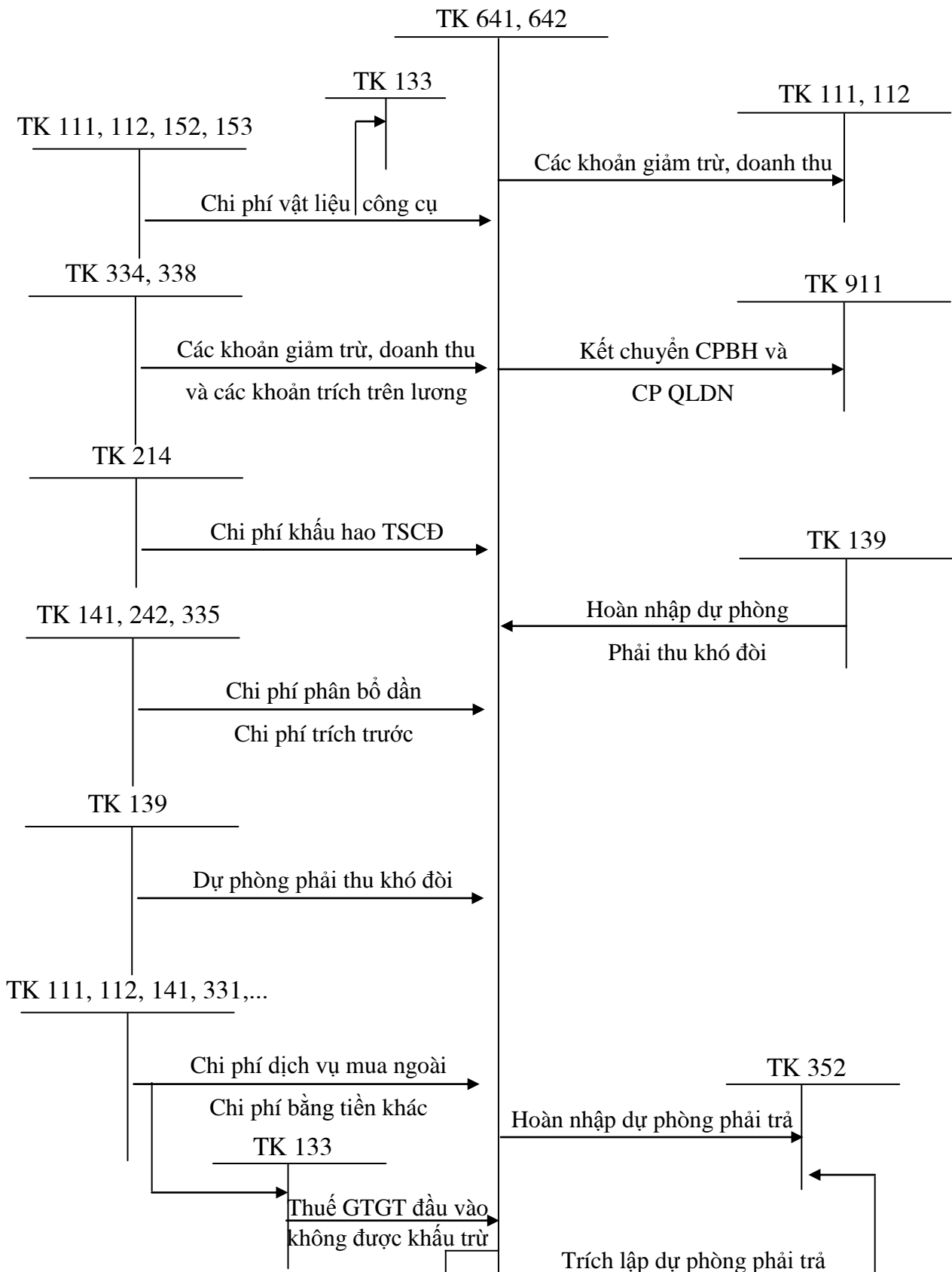
TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

➤ **Phương pháp kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tương tự nhau nên có thể khái quát theo **sơ đồ 1.5** sau:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48, để tổ chức kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp kế toán sẽ sử dụng TK 642(chi phí quản lý kinh doanh)

Kết cấu TK 642 gồm:

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.1.6.Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

TK 911 được mở chi tiết cho từng loại hoạt động(hoạt động sản xuất chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ, hoạt động tài chính, hoạt động khác...)

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào TK 911 phải là doanh thu thuần hoặc thu nhập thuần.

➤ Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

➤ Tài khoản sử dụng:

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

➤ Kết cấu tài khoản 911

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

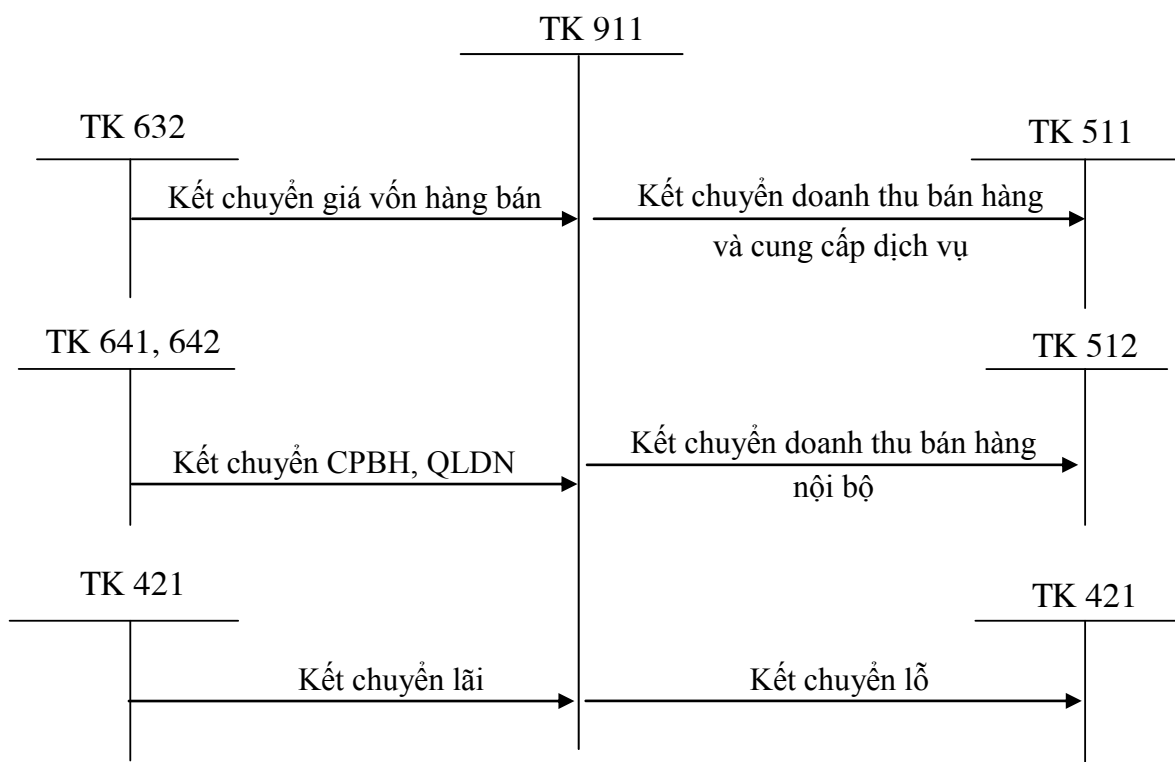
- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Doanh thu nội bộ
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh

Quy trình hạch toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được khái quát theo *sơ đồ 1.6* sau:

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



1.2.2. Tổ chức kế toán thu nhập chi phí và xác định kết quả hoạt động tài chính.

1.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

➤ **Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản**

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp(nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

Bên Có:

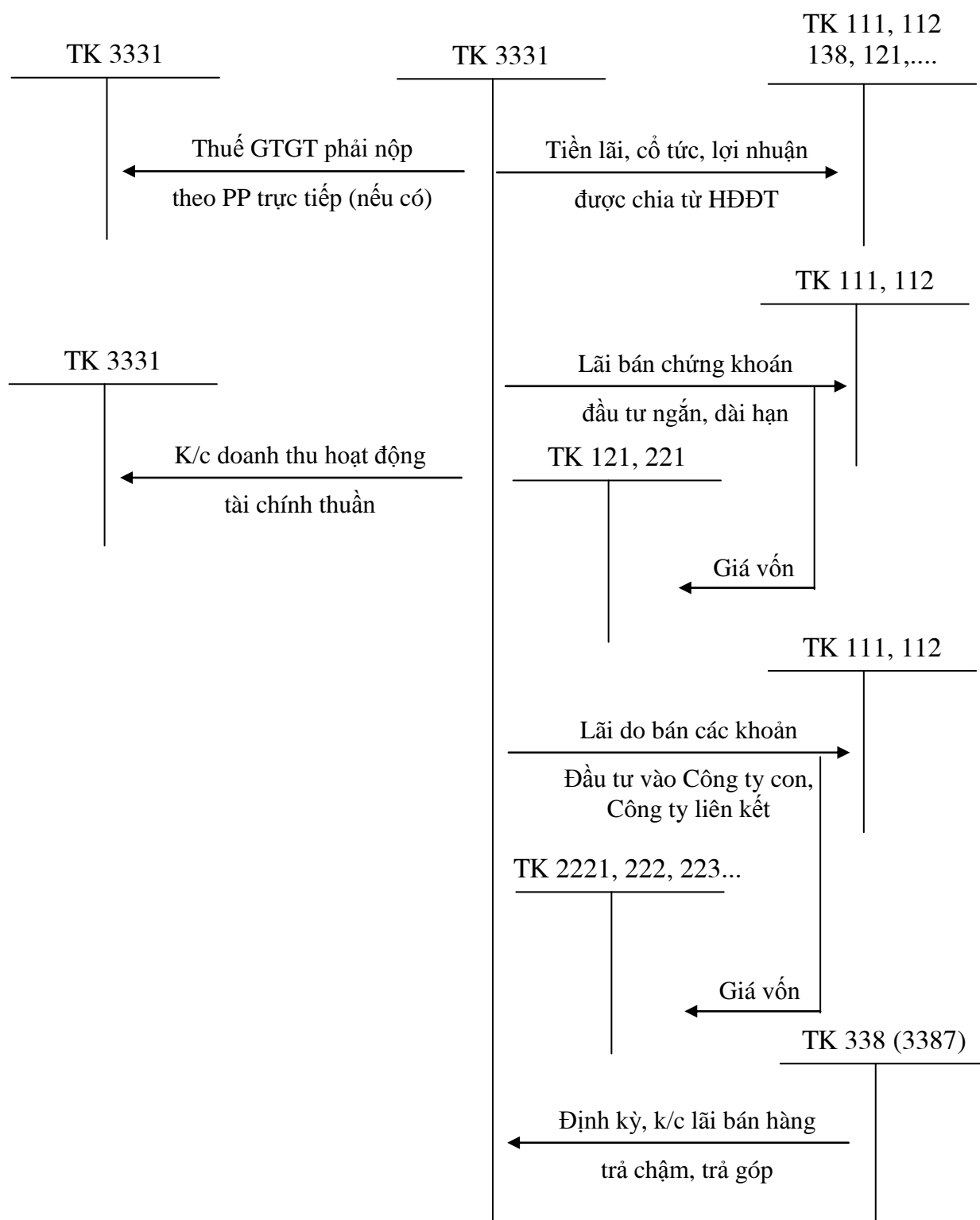
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB(giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ;

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp kế toán**

Phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm những nội dung sau:

- Chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lỗ từ nhượng bán chứng khoán
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái...

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 635: Chi phí tài chính

➤ **Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản:**

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

Bên Có:

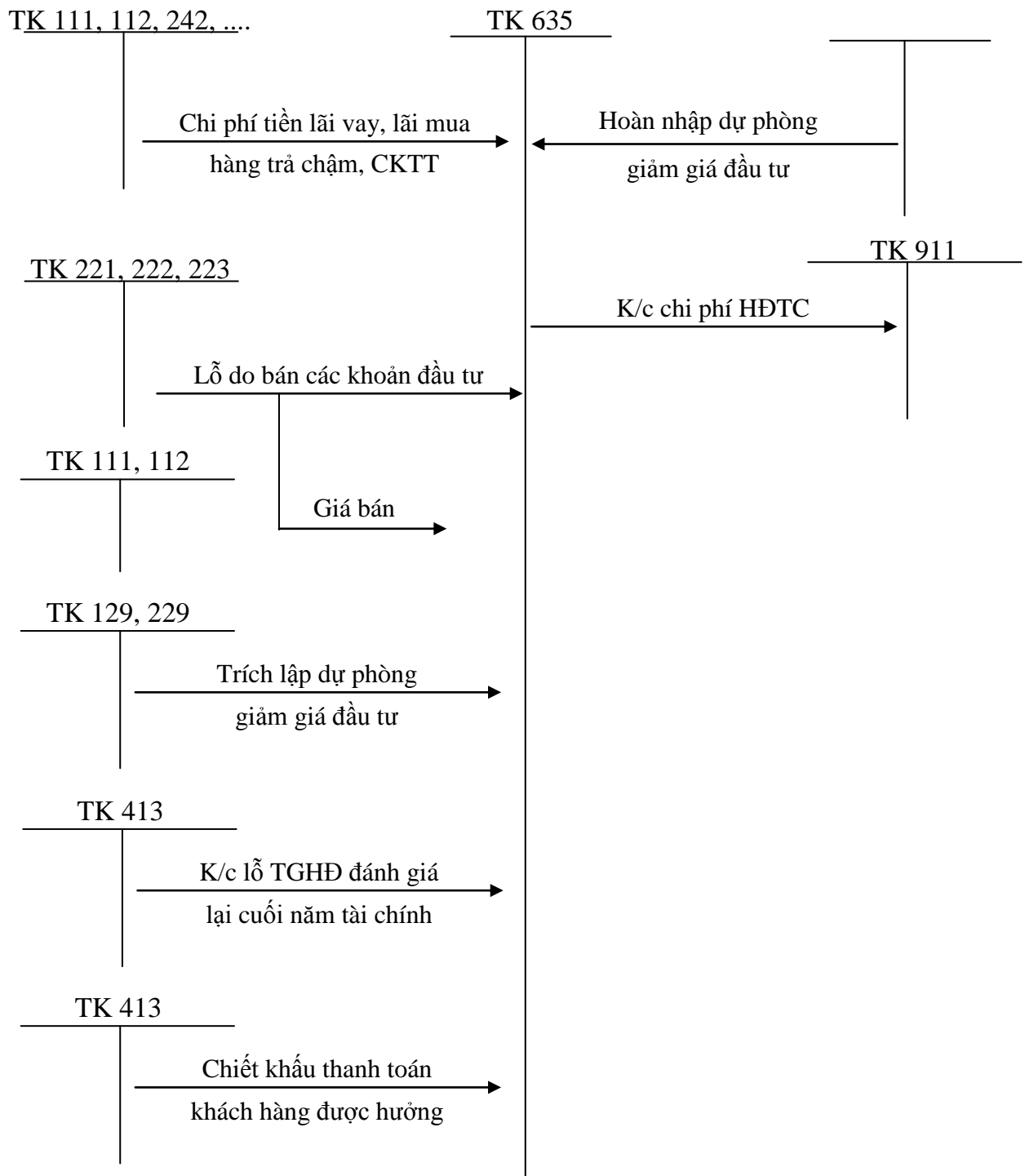
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí tài chính được khái quát qua ***sơ đồ 1.8***

Sơ đồ 1.8. Kế toán chi phí tài chính



1.2.2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động tài chính.

Để xác định kết quả hoạt động tài chính, kế toán sử dụng TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" và chi tiết: 911 "Xác định kết quả hoạt động tài chính", đồng thời có thể mở chi tiết để xác định kết quả cho từng loại hoạt động tài chính: đầu tư chứng khoán, tham gia liên doanh...

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Lợi nhuận} & & \text{Thu nhập} & & \text{Chi phí} \\
 \text{từ hoạt động} & = & \text{hoạt động} & - & \text{hoạt động} \\
 \text{tài chính} & & \text{tài chính} & & \text{tài chính}
 \end{array}$$

Nội dung và kết cấu TK 911 đã được trình bày ở mục 1.2.1.6.

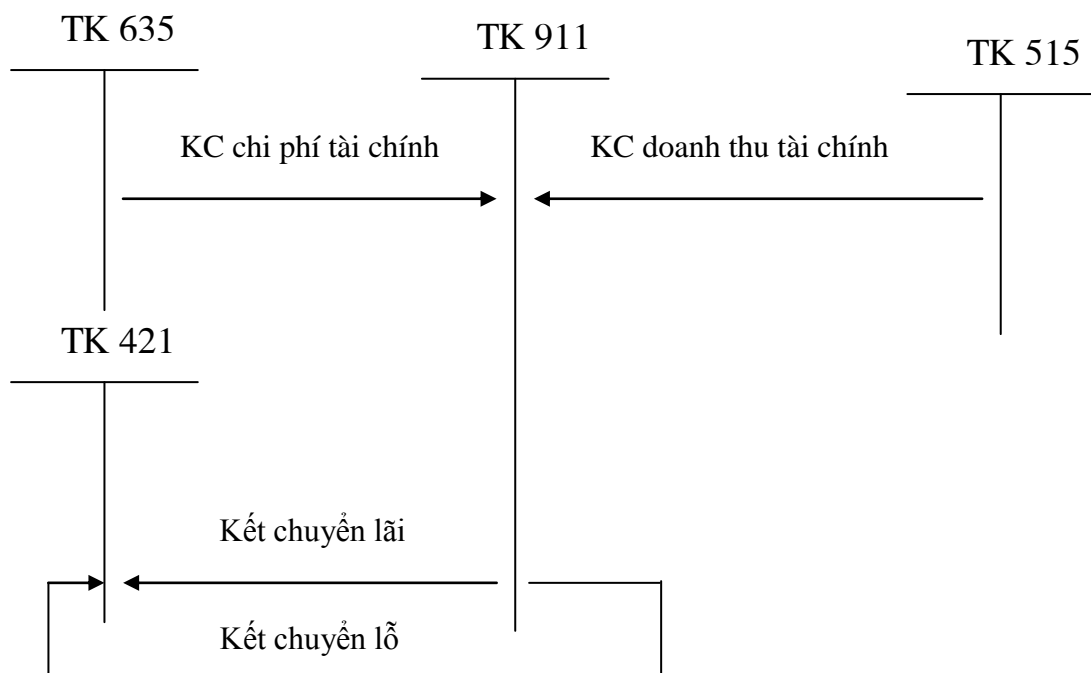
Bên nợ:

- Chi phí hoạt động tài chính

Bên có:

- Doanh thu hoạt động tài chính

Sơ đồ 1.9: Kế toán tổng hợp xác định kết quả hoạt động tài chính:



➤ **Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản:**

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.

Bên Có:

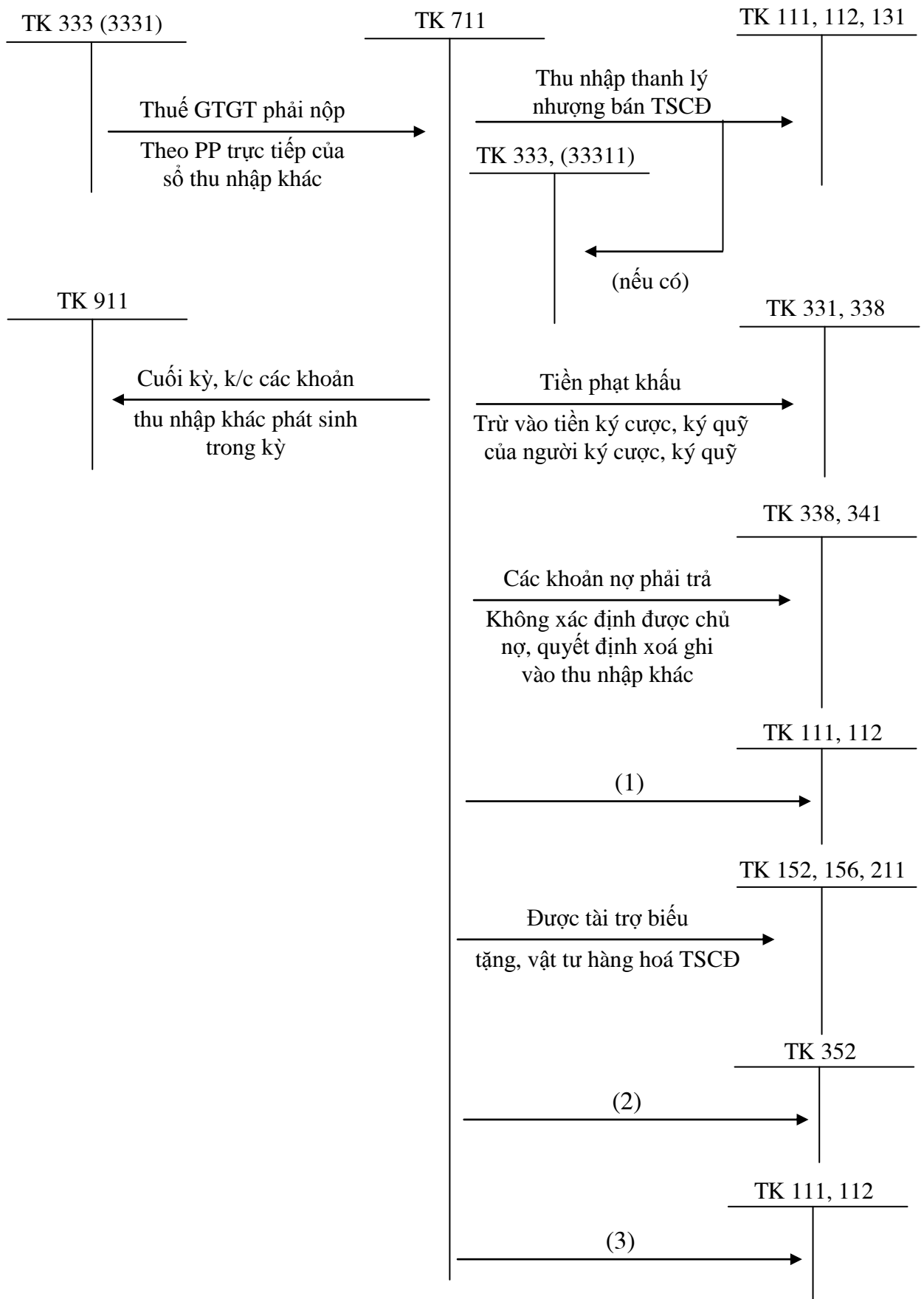
Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp kế toán**

Phương pháp kế toán thu nhập khác được thể hiện qua *sơ đồ 1.10*

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán thu nhập khác



Trong đó:

- (1): Khi thu được các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, thu tiền bảo hiểm công ty bảo hiểm được bồi thường, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến bán hàng, cung cấp dịch vụ, không tính trong doanh thu
- (2): Khi hết thời hạn bảo hành, nếu công trình không phải bảo hành hoặc số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp thì chi phí thực tế phát sinh phải hoàn nhập
- (3): Các khoản hoàn thuế XK, NK, thuế TTĐB được tính vào thu nhập khác

1.2.3.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- Các khoản chi phí khác.

➤ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu chi, phiếu kế toán, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

➤ **Tài khoản sử dụng**

TK 811: Chi phí khác

➤ **Kết cấu nội dung phản ánh tài khoản**

Bên Nợ:

- Các khoản chi phí phát sinh

Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào

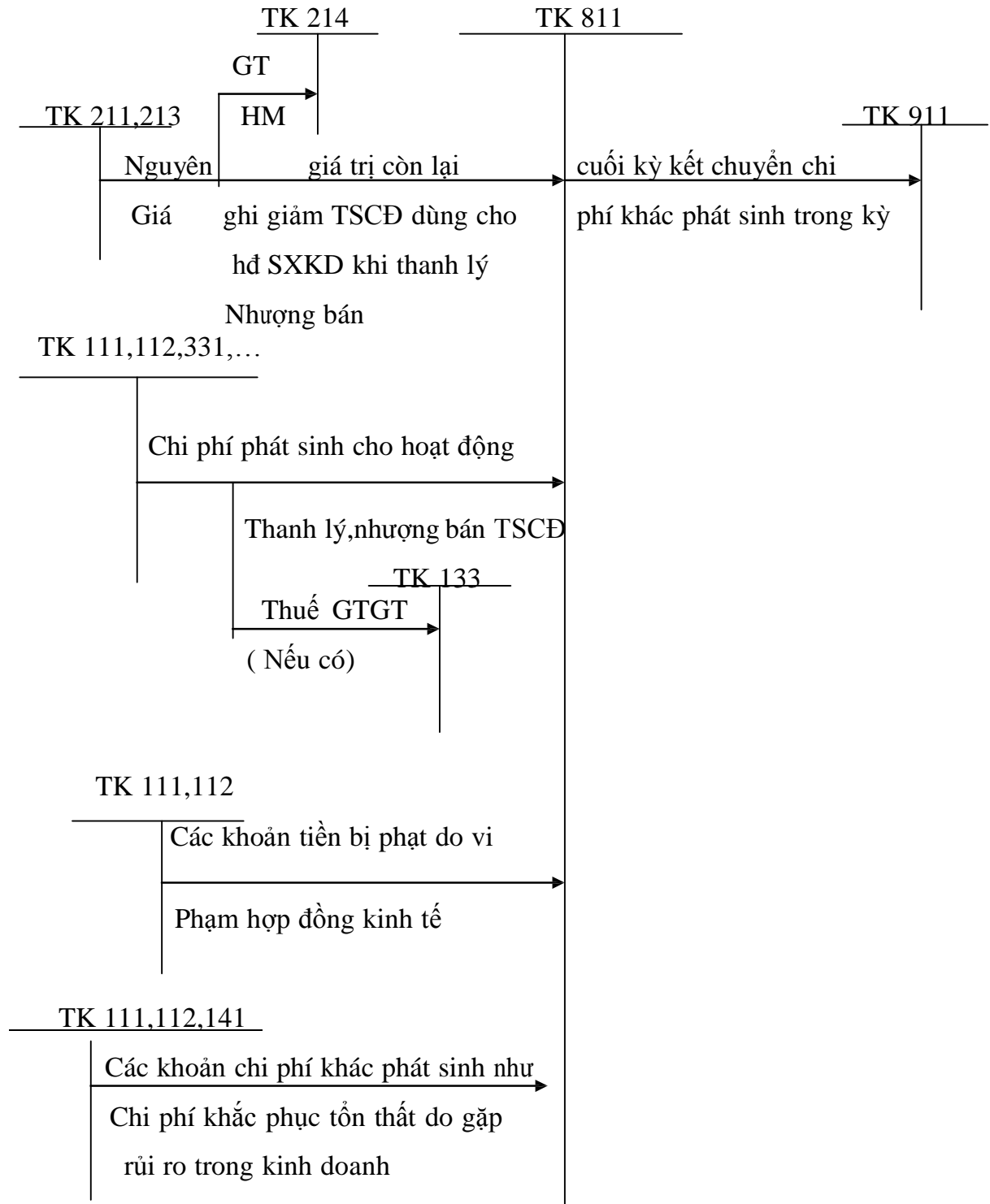
TK 911

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp kế toán

Phương pháp chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.11

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác



1.2.3.3. Kế toán kết quả hoạt động khác.

Để xác định kết quả hoạt động khác, kế toán sử dụng TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" và chi tiết: 911 "Xác định kết quả hoạt động khác".

Kết quả của hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

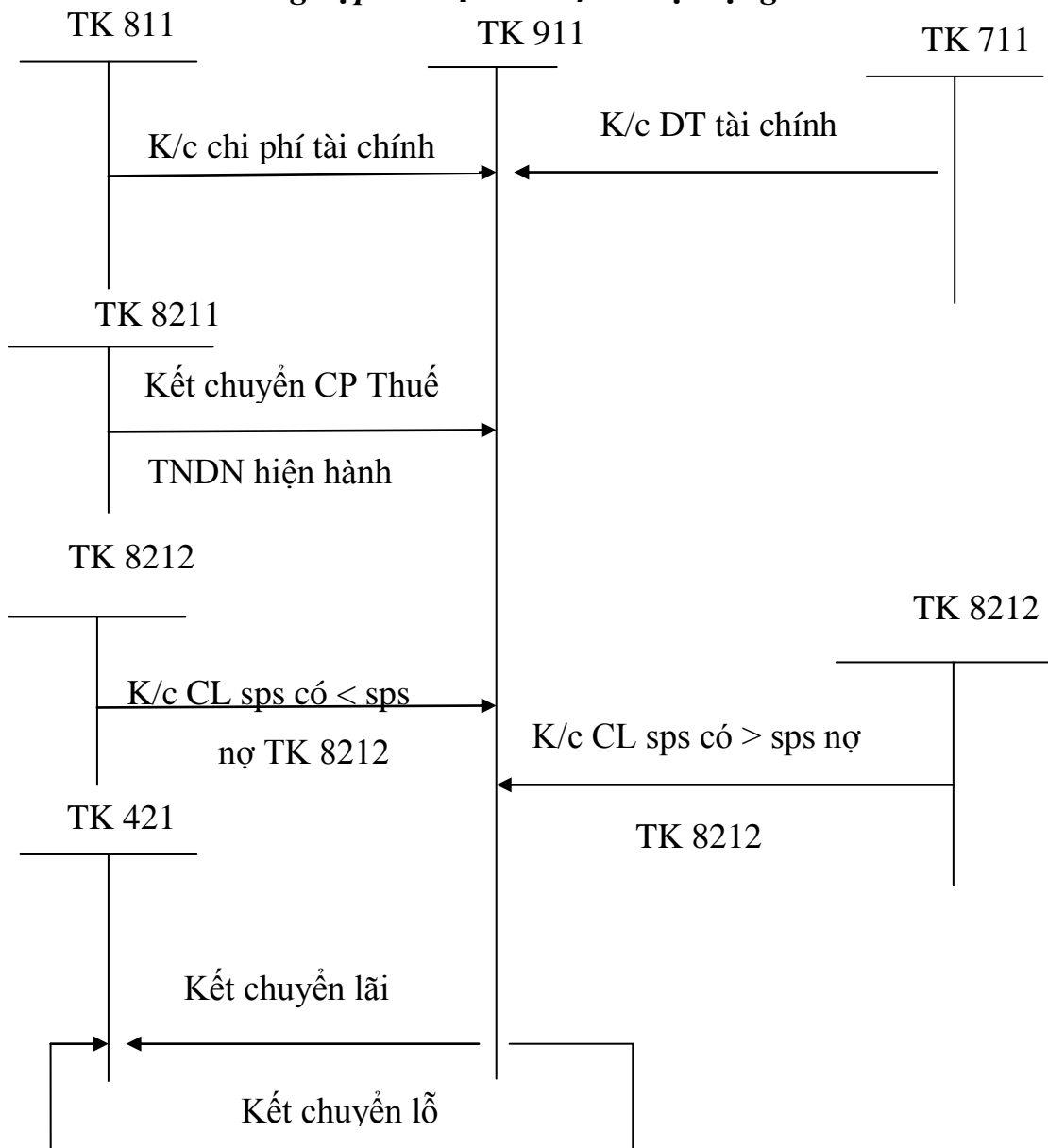
$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Thu từ hoạt} & & \text{Chi cho hoạt} \\ \text{hoạt động khác} & = & \text{động khác} & - & \text{động khác} \end{matrix}$$

- Nội dung và kết cấu TK 911 đã được trình bày ở mục 1.2.1.6.

Bên nợ: chi phí khác

Bên có: thu nhập khác

Sơ đồ 1.12: Kế toán tổng hợp xác định kết quả hoạt động khác:



1.2.4. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

➤ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

➤ Kết cấu tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Bên Nợ :

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);

Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 -

“Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 821 (Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp) có 2 tài khoản cấp 2:
- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

1.2.5. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

1.2.5.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Cách xác định kết quả kinh doanh

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả kinh} & & \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Kết quả hoạt} & & \text{Kết quả hoạt} \\ \text{doanh} & = & \text{sản xuất kinh} & + & \text{động tài chính} & + & \text{động khác} \\ & & \text{doanh} & & & & \end{array}$$

1.2.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán

➤ Tài khoản sử dụng:

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

➤ **Kết cấu tài khoản 911:**

Bên nợ:

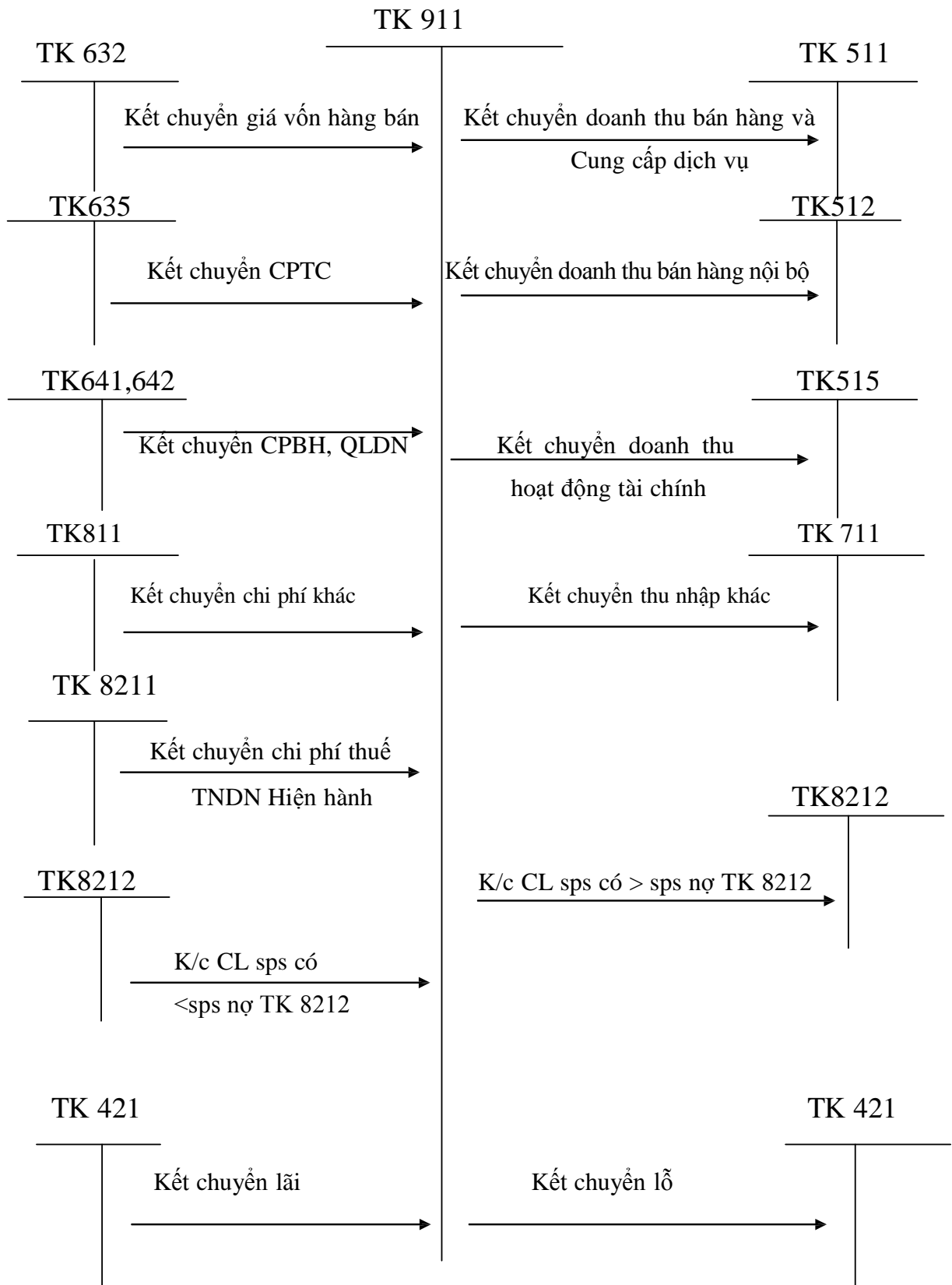
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính, chi phí khác
- Chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Doanh thu nội bộ
- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Thu nhập khác.
- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Sổ kế toán tổng hợp: Tùy theo từng hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng, kế toán sẽ tổ chức hệ thống sổ kế toán tương ứng với từng hình thức để thực hiện kế toán các chỉ tiêu tổng hợp về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh. Nhưng ở hình thức nào cũng có chung hình thức sổ cái tổng hợp, mỗi tài khoản kế toán tổng hợp được mở một sổ cái và nó đều phản ánh một chỉ tiêu về chi phí sản xuất sản phẩm. Nó cung cấp các chỉ tiêu thông tin để lập báo cáo tài chính. Cụ thể:

- Theo hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”, thì sổ kế toán tổng hợp bao gồm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 511, TK632, TK 641, TK642, TK 154.

- Theo hình thức kế toán “Nhật ký chứng từ”, hệ thống sổ kế toán tập hợp là các nhật ký chứng từ, sổ cái TK 511, TK632, TK 641, TK642, TK 154, các bảng kê và bảng phân bổ.

- Theo hình thức kế toán “nhật ký chung”, hệ thống sổ kế toán tổng hợp bao gồm: sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái TK 511, TK632, TK 641, TK642, TK 154.

Sổ kế toán chi tiết: Tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh mà kế toán sẽ mở các sổ chi tiết để kế toán các chỉ tiêu chi tiết về doanh thu, chi phí đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin về các doanh nghiệp.

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thay thế Quyết định số 1141TC/QĐ/CĐKT ngày 01-11-1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành “Chế độ kế toán doanh nghiệp”. Có các hình thức sổ kế toán như sau:

➤ **Hình thức kế toán Nhật ký chung:**

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung nghiệp vụ kinh tế. Sau đó

lấy số liệu trên Sổ Nhật ký để ghi vào Sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Các loại sổ của hình thức kế toán Nhật ký chung
 - Nhật ký chung;
 - Sổ Cái;
 - Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

➤ **Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

• Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

• Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

➤ **Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**

• Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Nhật ký - Sổ Cái;
 - Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

➤ **Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ**

- Đặc trưng của hình thức Nhật ký – chứng từ
 - Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
 - Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
 - Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
 - Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.
- Hình thức nhật ký – chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Nhật ký chứng từ,
 - Bảng kê;
 - Sổ Cái;
 - Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

➤ **Hình thức kế toán trên máy vi tính**

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Có nhiều chương trình phần mềm kế toán khác nhau về tính năng kỹ thuật và tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng. Tuy nhiên, phần mềm kế toán của đơn vị kế toán nghiệp vụ thi hành án các đơn vị lựa chọn phải được thiết kế theo nguyên tắc của Hình thức kế toán Nhật ký chung. Phần mềm kế toán tuy không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải đảm bảo in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

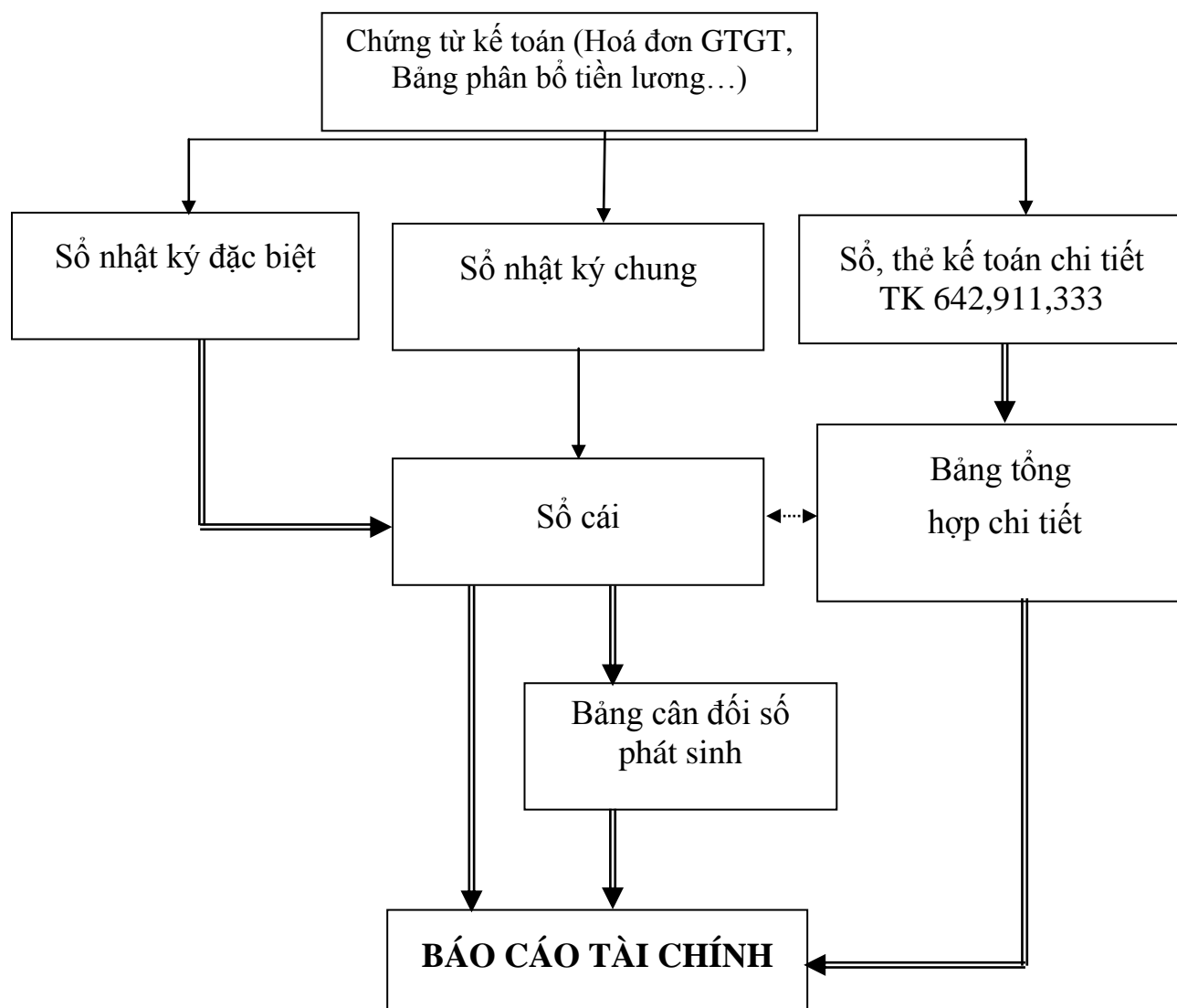
• Hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng tại đơn vị phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Có đủ các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết cần thiết để đáp ứng yêu cầu kế toán theo quy định. Các sổ kế toán tổng hợp phải có đầy đủ các yếu tố theo quy định của chế độ sổ kế toán.

- Thực hiện đúng các quy định về mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và sửa chữa sổ kế toán theo quy định của Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kế toán và của Thông tư này.

- Phần mềm kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của phần mềm kế toán do Bộ Tài chính quy định, phải phù hợp yêu cầu quản lý và điều kiện ứng dụng của các cơ quan thi hành án dân sự

Sơ đồ 1.5 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN HẢI LONG

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Tên công ty bằng tiếng việt: **CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN HẢI LONG**

Tên công ty bằng tiếng nước ngoài:

OCEAN DRAGON LOGISTICS LIMITED COMPANY

Tên viết tắt: **ODC**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 106, khách sạn Dầu Khí, Số 427 Đà Nẵng, quận
Hải An, Hải Phòng

Tel: (84) 31.3614588 / Fax: (84) 31.3614589 / Email: odc@odc.vn /

Web: www.odc.vn

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Giám đốc: Phạm Hùng Sơn.

- Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long được thành lập với số vốn đầu tư ban đầu là 1.000.000.000 đồng, và được Sở kế hoạch đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kinh doanh số: 0204002685 ngày 23 tháng 06 năm 2009, đăng kí thay đổi lần thứ nhất, ngày 19 tháng 11 năm 2009.

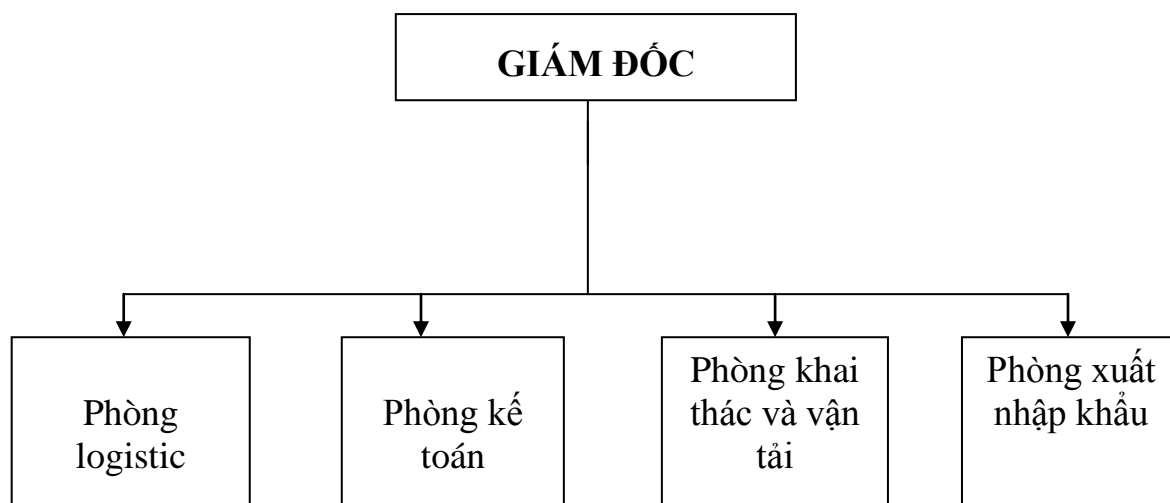
- Trải qua hơn 3 năm thành lập công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long không ngừng lớn mạnh, tăng trưởng về mọi mặt, thường xuyên xây dựng và kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực chỉ huy điều hành, mở rộng địa bàn hoạt động. Tính đến thời điểm này công ty đã tiếp nhận và cung cấp dịch vụ ở nhiều địa phương, thành phố khác nhau với yêu cầu phức tạp nhưng vẫn đảm bảo tốt yêu cầu chất lượng và tiến độ thực hiện công việc.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ đóng gói	82920
2	- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan - Dịch vụ kiểm toán đếm hàng hóa, môi giới vận tải - Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách - Hoạt động đóng gói liên quan đến vận tải	52299
3	Kho bãi và lưu hàng hóa	5210
4	Bốc xếp hàng hóa	5224
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
7	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
8	Vận tải hành khách bằng taxi	49312
9	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	49321
10	Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và hợp đồng	49329

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



➤ **Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban.**

- **Giám đốc công ty:** Là chủ thể quản lý doanh nghiệp theo chế độ một thủ trưởng, nên có quyền quyết định và điều hành mọi hoạt động của công ty, theo đúng kế hoạch, chính sách pháp luật của nhà nước, Giám đốc chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể lao động về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trong trường hợp vắng mặt thì giám đốc được phép ủy quyền cho phó giám đốc.

- **Phòng kế toán tổng hợp:** Là bộ phận tham mưu cho Ban giám đốc Công ty về nghiệp vụ, tài chính kế toán, tổ chức hạch toán theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quá trình luân chuyển vốn, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao, đồng thời bảo toàn và phát triển vốn cho công ty.

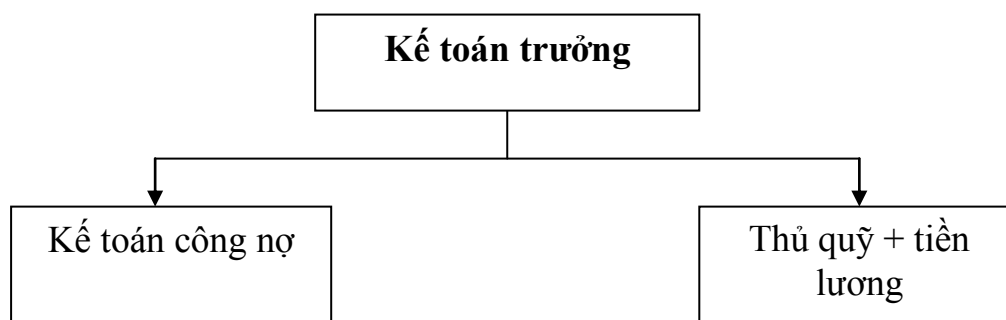
- **Phòng khai thác và vận tải:** Chịu trách nhiệm khai thác đội xe của công ty, tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu về vận tải, các dịch vụ vận tải.

- **Phòng xuất nhập khẩu:** có nhiệm vụ tiếp nhận và lập các hợp đồng, các chứng từ liên quan đến việc làm thủ tục hải quan cho lô hàng và vận chuyển các lô hàng. Sau đó, chuyển qua cho bộ phận điều xe để vận chuyển hàng hoá đến các địa điểm theo hợp đồng cho các khách hàng (đối tác làm ăn).

- **Phòng logistic:** chịu trách nhiệm về thủ tục thông quan hải quan, và làm thủ tục trên giấy tờ để vận tải vào lấy hàng.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long



- **Kế toán trưởng kiêm kế toán tiền lương và thủ quỹ:** chỉ đạo tổ chức các phân hành kế toán, kiểm tra giám đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, tham vấn cho giám đốc có thể đưa ra các quyết định hợp lý, đồng thời thực hiện công tác kế toán tiền lương và đảm nhận vai trò thủ quỹ trong công ty. Cuối kỳ kế toán, Kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các bộ phận phòng ban, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

- **Kế toán công nợ:** có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu, chi bằng tiền của doanh nghiệp, khóa sổ kế toán tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ. Kiểm tra chứng từ đầu vào, thanh toán với người bán, người tạm ứng, làm lương khôi cơ quan, các khoản bảo hiểm, thanh toán các chế độ đi công tác, nghỉ phép, theo dõi chế độ quản lý ăn ca.

2.1.5. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

* *Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:*

- Chế độ kế toán công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long áp dụng là theo chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm N

- Công ty áp dụng kì kế toán theo năm.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

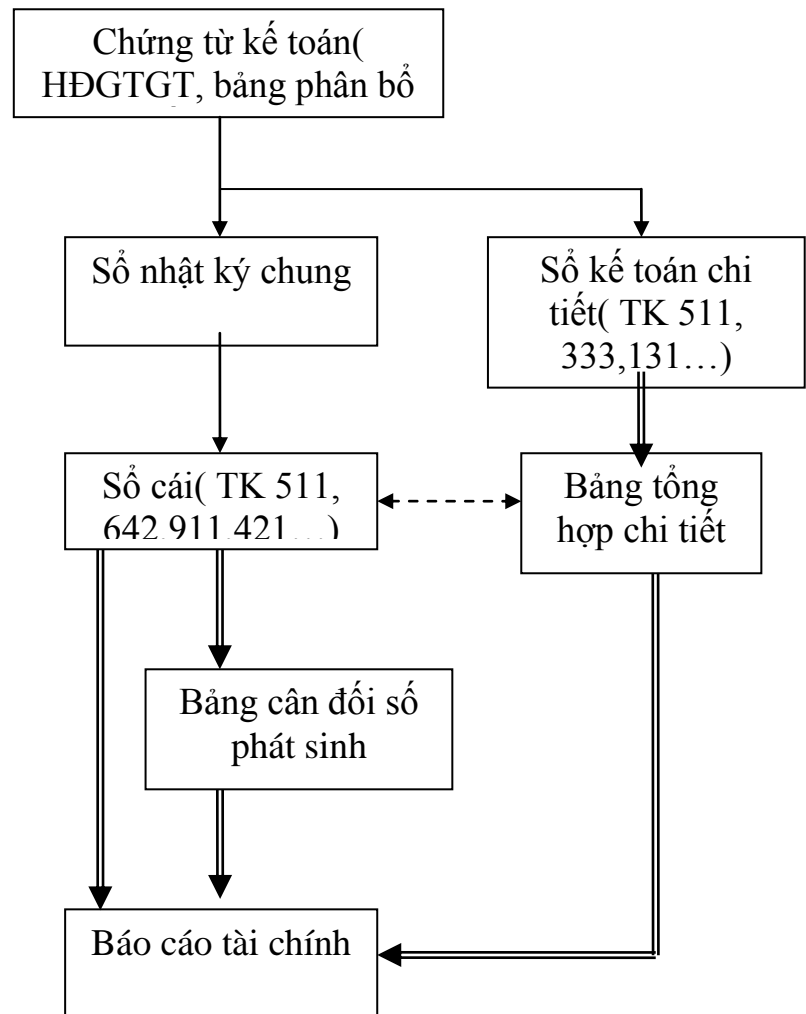
- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ

* *Hệ thống sổ kế toán:*

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ của nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”, hình thức này bao gồm các sổ kế toán sau:

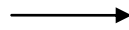
- Sổ nhật ký chung;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

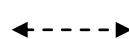
Ghi hàng ngày



Ghi cuối kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



* Hệ thống báo cáo kế toán:

- Báo cáo kế toán của công ty theo niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Báo cáo bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số 03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DNN)

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

2.2.1. Đặc điểm Doanh thu, chi phí tại công ty

Doanh thu: là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở hàng đã giao, dịch vụ đã hoàn thành và người mua chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu của công ty chủ yếu là thu từ hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ vận tải.

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long là một công ty kinh doanh dịch vụ, loại dịch vụ vận chuyên công nghệ xếp dỡ. Cũng như các doanh nghiệp khác, công tác kế toán tiêu thụ, doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Nó phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính, phục vụ cho những chiến lược mang tính tài chính của công ty.

Hiện nay, doanh thu chủ yếu của doanh nghiệp qua các hoạt động: Bốc xếp hàng hóa nhập xuất khẩu, cước cầu bến, hoạt động đại lí, thuê vận chuyên...

Còn đối với hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng

2.2.2. Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long:

2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Sổ sách sử dụng:**

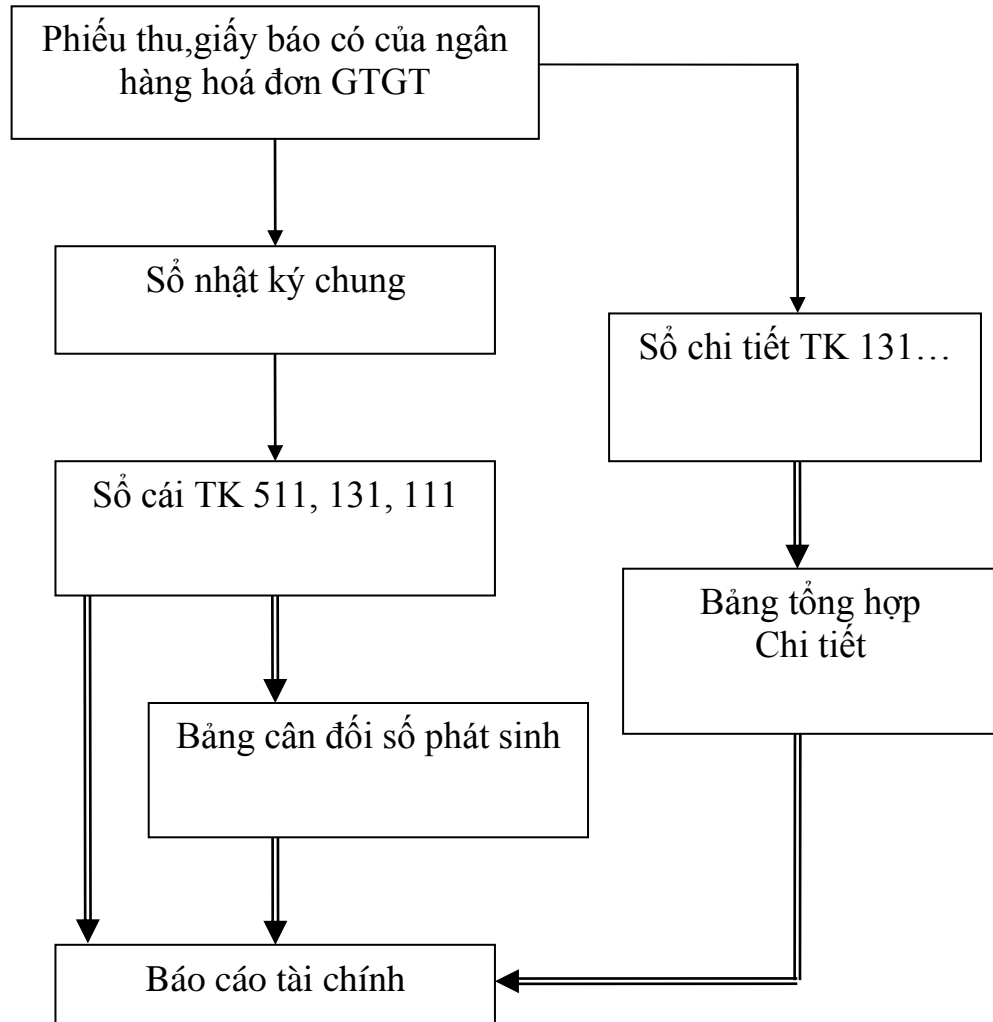
- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái tài khoản 511,111,131...
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết đối tượng thanh toán

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511(5113) : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra phải nộp
- TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 111 : Tiền mặt
- TK 112 : Tiền gửi ngân hàng
- TK 131 : Phải thu của khách hàng

➤ Quy trình luân chuyển chứng từ :

Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH tiếp Vận Hải Long



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ⇨

Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán ghi vào sổ nhật kí chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết 131. Căn cứ vào sổ nhật kí chung kế toán ghi vào sổ cái TK 511, 911....

- Cuối kì căn cứ vào sổ cái các TK vào bảng Cân đối số phát sinh, và căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 vào bảng tổng hợp chi tiết. Từ Bảng cân đối số phát sinh, và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC.

VD:

Ngày 23/05/2011 công ty hạch toán doanh thu tính cước vận chuyển tháng 5/2011 cho công ty TNHH Thương Mại và Vận tải An Phát, số tiền: 12.750.000 VNĐ, chưa bao gồm thuế 10%.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1111 : 14.025.000

Có TK 5113 : 12.750.000

Có TK 3331 : 1.275.000

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Kí hiệu: AA/11P

Liên 3: Nội bộ

Số: 0000619

Ngày 23 tháng 05 năm 2011

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN HẢI LONG**

Mã số thuế:

Địa chỉ :..... Phòng 106 khách sạn Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Đông Hải 1 Hải An, Hải Phòng.....

Điện thoại: 031.3614587/ 614588.....Số TK: 293637.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất An phát.....

Mã số thuế:

Địa chỉ: Điện Biên - Hồng Nam – TP Hưng Yên.....

Hình thức thanh toán :..TM / CK.....Số Tài Khoản

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận chuyển tháng 12/2011				12.750.000
Cộng tiền hàng					12.750.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.275.000
Tổng cộng tiền thanh toán					14.025.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(ký và ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, và ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH TMSX Minh Anh – Đ/C: Ngõ 72 Lạch Tray Ngô Quyền Hải Phòng – MST:0200611091

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.2

Đơn vị: Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Mẫu số 01-TT

Địa chỉ: Phòng 106 khách sạn Dầu Khí Số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Số :PT05081

Ngày 23 tháng 05 năm 2011

N 1111 C 5113 12.750.000

N 1111 C 3331 1.275.000

Người nhận tiền: Bùi Thị Ngọc Hà

Địa chỉ/Bộ phận: Phòng kế toán

Lý do thu: Thu tiền An Phát

Số tiền: 14.025.000 VNĐ

Bằng chữ: Mười bốn triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc:HDGTGT 0000619

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Mười bốn triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn.*

Ngày 23 tháng 05 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.3

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
18/05	PT05083	18/05	Hoàn ứng làm hàng CKT 1 - 1101010	1111 141	5.000.000	5.000.000
					
19/05	HĐ0000601	19/05	Hạch toán doanh thu công ty cổ phần sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn	1111 5113	9.382.500	9.382.500
					
19/05	HĐ0000603	19/05	Hạch toán doanh thu công ty TNHH Ryhing Việt Nam	1111 5113 3331	1.814.472	1.649.520 164.952
23/05	HĐ0000619	23/05	Hạch toán doanh thu Công ty An Phát	1111 5113 3331	14.025.000	12.750.000 1.275.000
					
30/05	PC05434	30/05	Thanh toán làm hàng Phú Nguyên L1104234	1388 15474 1111	803.000 40.000	843.000
					
30/05	PC05438	30/05	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	64222 1111	30.000	30.000
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.4

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, HpNgày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Năm : 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
					
19/05	HĐ0000601	19/5	Công ty cổ phần sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn	1111		9.382.500
19/05	HĐ0000603	19/5	Hạch toán doanh thu công ty TNHH Ryhying Việt Nam	1111		1.649.520
23/05	HĐ0000619	23/05	Hạch toán doanh thu Công ty An Phát	1111		12.750.000
					
31/12	PKT408	31/12	Kết chuyển cuối kỳ	911	11.181.836.329	
					
			Cộng số phát sinh		11.181.836.329	11.181.836.329
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Tại công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu nên kế toán không ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu này.

2.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối đơn giản, không trải qua nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kì.

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn, theo phương pháp này:

Tổng giá thành dịch vụ cung cấp = Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kì

➤ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Bảng trích khấu hao tài sản cố định...
- Hóa đơn GTGT
- Bảng lương
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 154
- Sổ cái TK 632
- Phiếu kế toán

➤ Tài khoản sử dụng

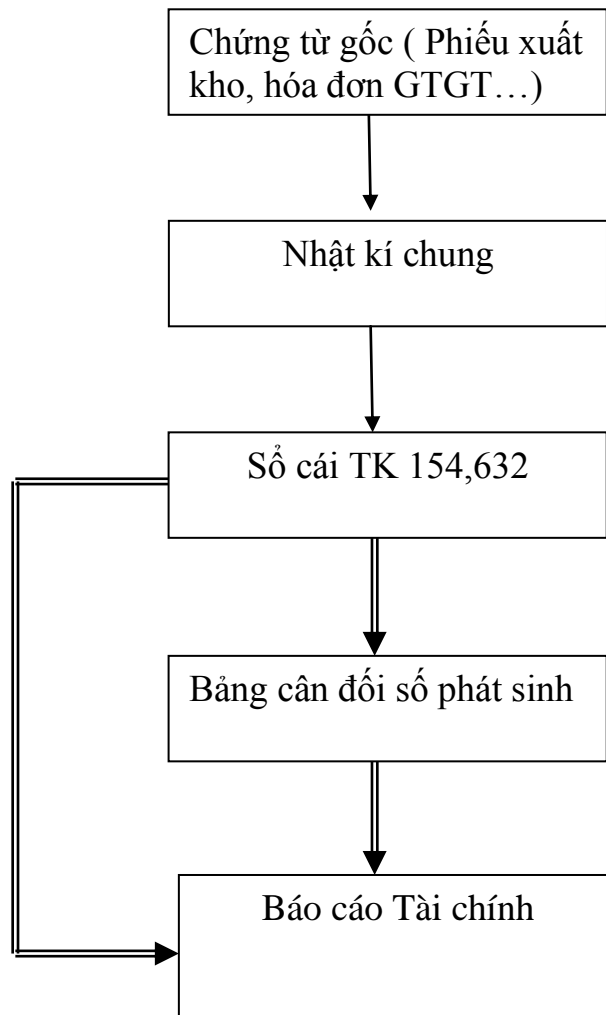
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Gồm:

- + TK 1541: Chi phí sxkd bộ phận hàng xuất
- + TK 1542: Chi phí sxkd bộ phận hàng nhập
- + TK 1545: Chi phí sản xuất Logistic
- + TK 15471: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + TK 15472: Chi phí nhân công trực tiếp
- + TK 15473: Chi phí đi đường
- + TK 15474: Chi phí sản xuất chung

➤ Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long



Quy trình hạch toán:

- Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán ghi vào sổ nhật kí chung.
- Căn cứ vào sổ nhật kí chung kế toán ghi vào sổ cái TK 154. Cuối kì căn cứ vào sổ cái TK 154 vào bảng CĐSPS, Từ BCĐSPS kế toán lập BCTC.

VD2:

Ngày 17/01/2011 công ty thanh toán cước vận chuyển giá 6.215.000VNĐ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 15474 : 5.650.000

Nợ TK 1331 : 565.000

Có TK 1111:6.215.000

Biểu số 2.5

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT-3 LL

NB/2010B

0000079

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 14 tháng 1 năm 2011

Đơn vị bán hàng: ... **CÔNG TY TNHH TM & ĐẦU TƯ ĐÔNG NAM Á**
 Địa chỉ: **7A Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng**
 Số tài khoản:
 Điện thoại:

Họ tên

người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long.....

Địa chỉ:..... P.106, KS Dầu Khí Số 427 Đà Nẵng HP.....

Số tài khoản:.....

thức thanh toán :..TM.....MS:

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận chuyển cont 40' HP – Hải Dương	cont	02	1.800.000	3.600.000
2	Cước vận chuyển cont 40' HP- Phố Nối A	cont	01	2.050.000	2.050.000
Cộng tiền hàng					5.650.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					565.000
Tổng cộng tiền thanh toán					6.215.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(ký và ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, và ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.6

Đơn vị: Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp

Mẫu số 02-TT

theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 17 tháng 01 năm 2011

Số : PC01240

N 1331 C1111 565.000

N 15474 C1111 5.650.000

Người nhận tiền: Công ty TNHH TM và Đầu tư Đông Nam Á

Địa chỉ/Bộ phận: 7A Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán cước vận chuyên.

Số tiền: 6.215.000 VNĐ

Bằng chữ: Sáu triệu hai trăm mười lăm ngàn đồng.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc: HĐGTGT 0000079

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu hai trăm mười lăm ngàn đồng.

Ngày 17 tháng 01 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.7

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
17/1	PC01240	17/1	thanh toán cước vận chuyển hàng cho công ty TNHH TM và đầu tư Đông Nam Á	15474	5.650.000	
				1331	565.000	
				1111		6.215.000
					
18/01	PT01063	18/01	Hoàn ứng làm hàng CKT L - 1101010	1111	4.000.000	
				141		4.000.000
					
29/1	PC01351	29/1	Thanh toán tiền vận chuyển 01x40' đi đóng hàng kido L1104246	15473	350.000	
				1111		350.000
					
31/12	PKT401	31/12	Kết chuyển chi phí SXKD bộ phận hàng xuất	632	2.020.854.336	
				1541		2.020.854.336
31/12	PKT402	31/12	Kết chuyển chi phí sxkd bộ phận hàng nhập	632	1.342.892.559	
				1542		1.342.892.559
					
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Căn cứ vào các chứng từ liên quan như bảng phân bổ khấu hao, Hóa đơn GTGT, bảng lương... Trong năm 2011, tại công ty TNHH Tiếp vận Hải Long có các chi phí được tập hợp như sau:

- Chi phí SXKD bộ phận hàng xuất(1541): 2.020.854.336
- Chi phí SXKD bộ phận hàng nhập(1542): 1.342.892.559
- Chi phí SXKD bộ phận vận tải(1547): 7.223.664.478

Trong đó:

- ✓ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp(15471): 2.506.100.571
- ✓ Chi phí nhân công trực tiếp(15472): 545.305.000
- ✓ Chi phí đi đường(15473): 823.386.000
- ✓ Chi phí sản xuất chung(15474): 3.348.872.907
- Chi phí Logistic(1545): 396.262.949

Cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển sang TK632(ở phiếu kế toán) để xác định giá vốn dịch vụ vận chuyển. Kế toán ghi vào các sổ sách liên quan theo định khoản sau:

Nợ TK632 :	10.258.390.922
Có TK1541 :	2.02.854.336
Có TK 1542:	1.342.892.559
Có TK 15471:	2.506.100.571
Có TK 15472:	545.305.000
Có TK 15473:	823.386.000
Có TK 15474:	3.348.872.907
Có TK 1545:	396.262.949

- Từ bút toán trên kế toán, kế toán vào sổ nhật ký chung , đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản 1541, 1542, 15471, 15472, 15473, 15474, 1545. Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK154, sổ cái TK632

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu số 2.8

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 401

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí sxkd bộ phận hàng xuất	632	1541	2.020.854.336
	Tổng			2.020.854.336

Biểu số 2.9

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 402

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí sxkd bộ phận hàng nhập	632	1542	1.342.892.559
	Tổng			1.342.892.559

Biểu số 2.10

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 403

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	632	15471	2.506.100.571
	Tổng			2.506.100.571

Biểu số 2.11

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 404

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	632	15472	545.305.000
	Tổng			545.305.000

Biểu số 2.12

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 405

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí đi đường	632	15473	823.386.000
	Tổng			823.386.000

Biểu số 2.13

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 406

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí chung	632	15474	3.348.872.907
	Tổng			3.348.872.907

Biểu số 2.14

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 407

STT	Nội dung	TK	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí Logistis	632	1545	396.262.949
	Tổng			396.262.949

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long
 Phòng 106 KS Dầu Khí, Số 427 Đà Nẵng, Đông Hải 1, Hải An Hải Phòng

Biểu số 2.15:

Mẫu số S20- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 15474

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					
17/04	PC04243	17/04	Cty TNHH TM và đầu tư Đông Nam Á	1111	5.650.000			
							
30/04	PC04434	30/04	Thanh toán tiền làm hàng Phú Nguyên	1111	40.000			
							
30/04	PC04439	30/04	Thanh toán tiền làm hàng Tadlack L1104235	1111	1.806.818			
							
31/12	PKT406	31/12	Kết chuyển sang 632	632		3.348.872.907		
			Cộng phát sinh		3.348.872.907	3.348.872.907		
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biểu số 2.16:

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Phòng 106 KS Dầu Khí, Số 427 Đà Nẵng, Đông Hải 1 ,Hải An Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THEO TÀI KHOẢN
 Tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
 Số hiệu: 154
 Năm: 2011

STT	Đối tượng	Số dư đầu kỳ		Tổng số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Chi phí sản xuất kinh doanh bộ phận hàng xuất(TK1541)			2.020.854.336	2.020.854.336		
2	Chi phí sản xuất kinh doanh bộ phận hàng nhập(TK1542)			1.342.892.559	1.342.892.559		
3	Chi phí sản xuất logistic(TK1545)			396.262.949	396.262.949		
4	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp(TK15471)			2.506.100.571	2.506.100.571		
5	Chi phí nhân công trực tiếp(TK15472)			545.305.000	545.305.000		
6	Chi phí đi đường(TK15473)			823.386.000	823.386.000		
7	Chi phí Sản xuất chung(TK15474)			3.348.872.907	3.348.872.907		
	Cộng			10.258.390.922	10.258.390.922		

Biểu 2.17:

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long
Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu : 632
Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
31/12	PKT401	31/12	Kết chuyển chi phí sxkd bộ phận hàng xuất	1541	2.020.854.336	
31/12	PKT402	31/12	Kết chuyển chi phí sxkd bộ phận hàng nhập	1542	1.342.892.559	
31/12	PKT403	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	15471	2.506.100.571	
					
31/12	PKT410	31/12	Kết chuyển sang 911	911		10.258.390.922
			Cộng số phát sinh		10.258.390.922	10.258.390.922
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí hành chính, tổ chức.
- Thuế, phí, lệ phí.
- Các chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác....
- Công ty không sử dụng đến TK 6421 (chi phí bán hàng)

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi (mẫu số 02TT- BTC)
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Ủy nhiệm chi
- Bảng phân bổ tính lương và trích theo lương
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Sổ sách sử dụng

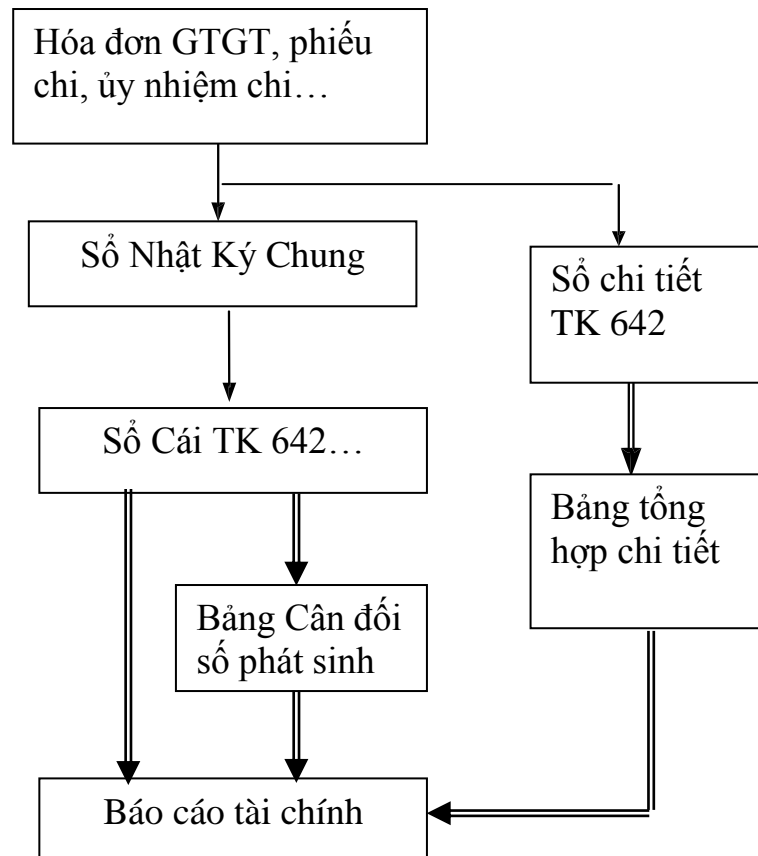
- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái tài khoản 642

➤ Tài khoản sử dụng

- TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 64221 : Chi phí nhân công
- TK 64222 : Chi phí bằng tiền khác

Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ⇒

Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,642,133...

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

VD:

Ngày 30/04/2011, Thủ quỹ thanh toán tiền thuê máy, số tiền 1.000.0000, Thuế GTGT 10%.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 64222: 1.000.000

Nợ TK 1331: 100.000

Có TK 1111: 1.100.000

Từ hóa đơn GTGT kế toán lập phiếu chi, từ phiếu chi kế toán ghi sổ nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 111, 133, 642. Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái TK 111, 133, 642 lập bảng cân đối số phát sinh tổng hợp số liệu lập BCTC.

Biểu số 2.18

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0000091

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 29 tháng 04 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hà Hoa

Mã số thuế: 0200405701

Địa chỉ :..... Số 15 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải PHÒNG.....

Điện thoại: 031.3745762.....Fax: 0313979158

Số tài khoản: 3409069 tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Á Châu- chi nhánh HP

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Mã số thuế:.....0200941452.....

Địa chỉ: P 106.KS Dầu khí- 427 Đà Nẵng – Hải an, Hải Phòng.

Hình thức thanh toán :..TM.....Số Tài Khoản

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thuê máy Photocopy T4/2011				1.000.000
Cộng tiền hàng					1.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					100.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.100.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm ngàn đồng.					

Người mua hàng
(ký và ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, và ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Thương mại DU lịch Xây dựng và Đầu tư Hải Dương; MST: 020113448

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.19

Đơn vị: Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: Phòng 106 KS sở Dầu Khí, Số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số :PC04373

Ngày 30 tháng 04 năm 2011

N 1331 C1111 100.000

N 64222 C1111 1.000.000

Người nhận tiền: Công ty TNHH Hà Hoa

Địa chỉ/Bộ phận: Số 15 Hoàng Văn Thụ, Hải Phòng.

Lý do chi: Thanh toán tiền thuê máy photocopy

Số tiền: 1.100.000 VNĐ

Bằng chữ: Một triệu một trăm ngàn đồng.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc: HĐGTGT0000091

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một triệu một trăm ngàn đồng.*

Ngày 30 tháng 4 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.20

BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG THÁNG 4/2011

Đơn vị tính: đồng

Ghi có TK Nợ TK	TK 334	TK 338(tính vào chi phí)				Tổng cộng
		BHXH(16%)	BHYT(3%)	BHTN(1%)	Cộng(20%)	
TK 1541	5.102.500	564.400	105.825	35.275	705.500	5.910.050
TK 1542	9.707.000	1.049.120	196.710	65.570	1.311.400	11.212.540
TK 15472	48.500.000	5.360.000	1.005.000	335.000	6.700.000	56.170.000
TK 1545	19.462.800	1.794.048	336.384	112.128	2.242.560	22.094.616
TK 64221	19.105.600	1.952.896	366.168	122.056	2.441.120	21.928.832
Cộng	101.877.900	10.720.464	2.010.087	670.029	13.400.580	117.316.038

Biểu số 2.21

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
27/4	PC04296	27/4	Thanh toán cước viễn thông tháng 3	64222	284.412	
				1331	28.441	
				1111		312.853
					
30/4	PC04373	30/4	Thanh toán tiền thuê máy photocopy HĐ 0000091	64222	1.000.000	
				1331	100.000	
				1111		1.100.000
					
01/12	PC12003	01/12	Tạm ứng làm hàng Makalot L1012004	141	800.000	
				1111		800.000
01/12	PC12004	01/12	Vận chuyển 01x40' đi đóng hàng S.E.A VN L1012005 (Ninh Bình)	15473	700.000	
				1111		700.000
14/12	PC12155	14/12	Thanh toán làm hàng Kido L1012012	15474	415.714	
				1331	41.571	
				1111		457.285
.....
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.22

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long
Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An,
HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 64221
Tên tài khoản: Chi phí nhân công
Năm: 2011

Mẫu số S20- DNN

(Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ						
								
30/03	BLT3	30/03	Tính tiền lương phải trả tháng 3	334	18.245.627		50.035.884		
30/03	BPBLT3	30/03	Trích lương tính vào chi phí	338	2.041.120		52.077.004		
								
31/12	BLT12	31/12	Tính tiền lương phải trả tháng 12	334	19.105.600		142.447.005		
31/12	BPBLT12	31/12	Trích lương tính vào chi phí	338	2.441.120		144.888.125		
31/12	PKT412	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công	911		144.888.125		-	
			Cộng phát sinh		144.88.125	144.888.125			
			Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký , họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long
Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, HP

Mẫu số S20 – DNN
(Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐBTC
ngày 14/09/2006 của
bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 64222

Tên tài khoản: Chi phí bằng tiền khác

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ						
								
27/04	PC04296	27/04	Thanh toán tiền cước viễn thông	1111	284.412		108.125.823		
								
30/04	PC04373	30/04	Thanh toán tiền thuê máy photocopy T4	1111	1.000.000		119.256.231		
								
31/12	PKT413	31/12	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác	911		303.715.759		303.715.759	
			Cộng phát sinh		303.715.759	303.715.759			
			Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký , họ tên)

Ngày 21 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long
Địa chỉ: P 106, KS Đầu Khí, Số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
27/4	PC04296	27/4	Thanh toán cước viễn thông tháng 4	1111	284.412	
					
30/4	PC04373	30/4	Thanh toán tiền thuê máy photocopy HĐ 0000091	1111	1.000.000	
.....
31/12	BTTLT12	31/12	Tính ra lương phải trả	334	19.105.600	
31/12	BTTLT12	31/12	Trích lương tính vào chi phí	338	2.823.232	
31/12	PKT412	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công sang TK 911	64221		144.888.125
31/12	PKT413	31/12	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác sang TK 911	64222		303.715.759
			Cộng phát sinh		448.603.884	448.603.884
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(*Nguồn: Phòng Kế toán công ty*)

2.2.3. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

2.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là các khoản : trả lãi phải nộp cho Ngân hàng

➤ Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có
- Giấy báo Nợ
- Phiếu kế toán
- Ủy nhiệm chi

➤ Sổ sách sử dụng

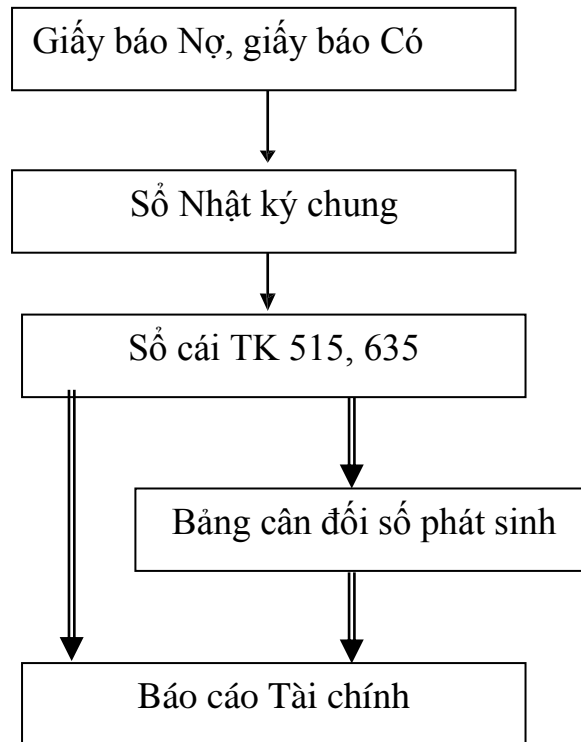
- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái TK 515
- Sổ cái TK 635

➤ Tài khoản sử dụng

- TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 : Chi phí tài chính

Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối kỳ

Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào GBN, GBC, phiếu chi, ủy nhiệm chi kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản: TK515, TK635, TK112

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

VD4:

Ngày 30/8/2011, Công ty nhận được Giấy báo có lãi tiền gửi tháng 7 của Ngân Hàng Tiên Phong số tiền là: 127.952 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1121: 127.952

Có TK 515: 127.952

Nhận được giấy báo có kế toán vào sổ nhật ký chung, từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 515

VD:

Ngày 18/2/2011, từ phiếu hạch toán của Ngân Hàng Tiên Phong về lãi tiền vay là 7.008.052 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6352: 7.008.052

Có TK 1121: 7.008.052

Nhận được giấy báo nợ, kế toán vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 635

Biểu số 2.25



Số tham chiếu: 350CT07103010006

PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 30/08/2011

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Mã phân hệ: RT

MST: 0102744865

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN HẢI LONG**

Địa chỉ: **SỐ 427, ĐÀ NẴNG**

QUẬN HẢI AN

HẢI PHÒNG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số: 00013599001

Số tiền ghi có: VND127.952

Ngày giá trị: 30/08/2011

Nội dung: IBPS – TC:L38200038.Lãi tiền gửi

Phê duyệt

Biểu số 2.26



Số tham chiếu: 350CHA7100450098

PHIẾU BÁO NỢ

Ngày 18/02/2011

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Mã phân hệ: RT

MST: 0102744865

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH HẢI LONG**

Địa chỉ: SỐ 427, ĐÀ NẴNG

QUẬN HẢI AN

HẢI PHÒNG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số: 00013599001

Số tiền ghi nợ: VND7.008.052

Ngày giá trị: 18/02/2011

Nội dung: Thanh toán tiền lãi vay Ngân Hàng

Phê duyệt

Biểu số 2.27

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
18/2	GBN18/2	18/2	Trả tiền lãi vay Ngân Hàng tháng 1	6352	7.008.052	
				1121		7.008.052
					
30/8	GBC30/8	30/8	Thu lãi tiền gửi tháng 7	1121	127.952	
				515		127.952
					
31/12	PKT409	31/12	Kết chuyển TK 515	515	1.327.927	
				911		1.327.297
31/12	PKT410	31/12	Kết chuyển TK 632	911	10.258.390.922	
				632		10.258.390.922
31/12	PKT411	31/12	Kết chuyển TK 635	911	256.582.728	
				635		256.582.728
31/12	PKT412	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công sang TK 911	911	144.888.125	
				64221		144.888.125
31/12	PKT413	31/12	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác sang TK 911	911	303.715.759	
				64222		303.715.759
					
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.28

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, HpNgày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
					
30/8	GBC30/8	30/8	Thu lãi tiền gửi tháng 7	1121		127.952
					
31/12	GBC31/12	31/12	Thu lãi tiền gửi tháng 12	1121		145.562
31/12	PKT409	31/12	Kết chuyển cuối kỳ	911	1.327.927	
					
			Cộng số phát sinh		1.327.927	1.327.927
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.29

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu : 635

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
					
18/2	GBN18/2	18/2	Trả tiền lãi vay Ngân Hàng tháng 1	1121	7.008.052	
					
22/5	GBN22/5	22/5	Trả tiền lãi vay Ngân hàng tháng 4	1121	8.356.297	
					
26/12	GBN26/12	26/12	Trả tiền lãi vay ngân hàng tháng 11	1121	15.675.256	
					
31/12	PKT411	31/12	Kết chuyển sang 911	911		256.582.728
			Cộng số phát sinh		256.582.728	256.582.728
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

2.2.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

- Thu nhập khác tại Công ty là những khoản thu, góp nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu được các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ....
- Chi phí khác tại Công ty là tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ....

Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ...

Sổ sách sử dụng

- Nhật kí chung
- Sổ cái TK 711
- Sổ cái TK 811

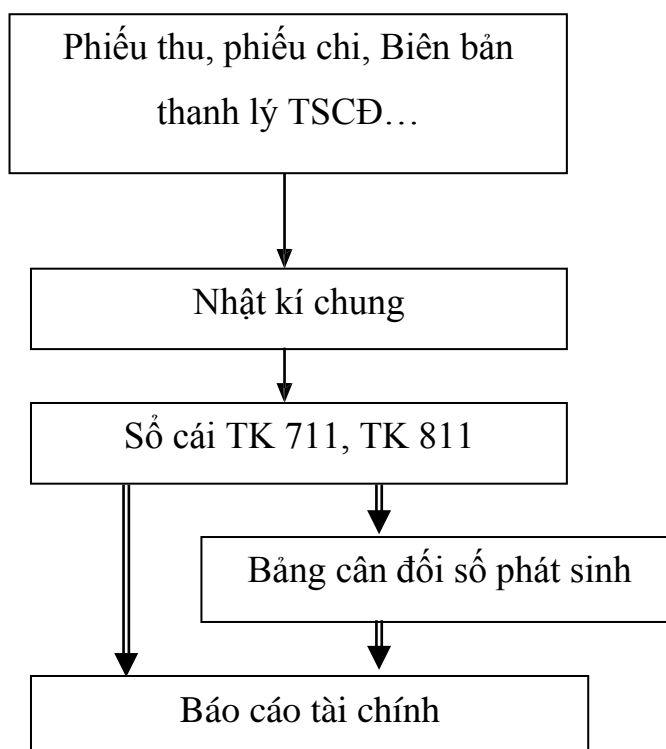
Tài khoản sử dụng

TK 711: Thu nhập khác

TK 811 : Chi phí khác

Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.8: Quy trình luân chuyển chứng từ thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH tiếp Vận hải Long



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ==>

Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi và biên bản thanh lý TSCĐ...kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK77,811,111,214...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

VD5: Căn cứ vào biên bản nhượng bán ngày 12/09/2011 về việc thanh lý tài sản cố định Rómóc 16R 1984 nhãn hiệu Tung Hua và các chứng từ có liên quan khác. Kế toán ghi vào các sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 1121: 22.400.000

Có TK711: 20.363.636

Có TK3331: 2.036.364

Nợ TK 811 : 25.930.268

Nợ TK 214 :12.965.060

Có TK 211: 38.895.328

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK711, sổ cái TK811 và sổ cái TK211,333,214. Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh sử dụng để lập BCTC.

Biểu số 2.30

BIÊN BẢN NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 12 tháng 09 năm 2011

- Căn cứ Quyết định số: 18 ngày 12 tháng 09 năm 2011 của Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long về việc nhượng bán TSCĐ

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm

* Bên thanh lý (Bên A)

- Ông: Phạm Hùng Sơn Chức vụ: Giám đốc

- Bà: Bùi Thị Ngọc Hà Chức vụ: Kế toán

* Bên mua (Bên B)

Ông: Nguyễn Văn Minh Chức vụ: Phó giám đốc

Ông: Nguyễn Tiến Đạt Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Romóoc.....

- Số hiệu TSCĐ: biển kiểm soát 16R-1984.....

- Nước sản xuất(xây dựng): Mỹ.....

- Năm sản xuất: 2007.....

- Năm đưa vào sử dụng: 2009.....

- Nguyên giá TSCĐ: 38.895.328.....

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm nhượng bán: 12.965.060 đồng.....

- Giá trị còn lại của TSCĐ: 25.930.268 đồng.....

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

Romóoc vẫn sử dụng bình thường

IV> Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ: ..0.....(viết bằng chữ).....

- Giá trị thu hồi: .20.363.636.....(viết bằng chữ) : hai mươi triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba sáu đồng

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 12 tháng 09 năm 2011

Ngày 12 tháng 09 năm 2011

Đại diện bên A
(Ký, họ tên)

Đại diện bên B
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.31

Số tham chiếu: 350CT07103010001



PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 12/09/2011

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Mã phân hệ: RT

MST: 0102744865

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN HẢI LONG**

Địa chỉ: **SỐ 427, ĐÀ NẴNG**

QUẬN HẢI AN

HẢI PHÒNG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số: 00013599001

Số tiền ghi có: VND22.400.000

Ngày giá trị: 12/09/2011

Nội dung: IBPS – TC:L38200038. Thu tiền thanh lý TSCĐ

Phê duyệt

Biểu số 2.32

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
12/09	GBC12/09	12/09	Bán Rơ-mooc 16R1984 nhãn hiệu Tunghua	1121	22.400.000	
				711		20.363.636
				3331		2.036.364
				811	25.930.268	
				214	12.965.060	
				211		38.895.328
					
01/12	HĐ1123344	01/12	Mua xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu Freightliner	2111	514.285.714	
				1332	25.714.286	
				1121		540.000.000
					
31/12	BPBKHT12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	15474	62.640.612	
				2141		62.640.612
					
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.33

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu : 711

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
12/09	GBC12/09	12/09	Thanh lý Rơ – mooc 16R1984	1121		20.363.636
31/12	PKT414	31/12	Kết chuyển sang 911	911	20.363.636	
			Cộng số phát sinh		20.363.636	20.363.636
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.34

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu : 811

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
12/09	GBC12/09	12/09	Thanh lý Rơ – mooc 16R1984	211	25.930.268	
31/12	PKT415	31/12	Kết chuyển sang 911	911		25.930.268
			Cộng số phát sinh		25.930.268	25.930.268
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

2.2.5. Tổ chức kế toán Chi phí thuế TNDN tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long:

Thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế bắt buộc hàng năm doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Tại Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long Thuế TNDN được tính như sau:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

VD 6:

Ngày 29/04/2011 Doanh nghiệp nộp thuế TNDN tạm tính quý I/2011. Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán viết phiếu chi và định khoản :

Nợ TK 821: 10.252.920

Có TK 3334: 10.252.920

Nợ TK 3334 : 10.252.920

Có TK 1111 : 10.252.920

VD 6:

Ngày 29/04/2011 Doanh nghiệp nộp thuế TNDN tạm tính quý I/2011. Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán viết phiếu chi và định khoản :

Nợ TK 821: 10.252.920

Có TK 3334: 10.252.920

Nợ TK 3334 : 10.252.920

Có TK 1111 : 10.252.920

Biểu số 2.36

Đơn vị: Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: Phòng 106 KS sở Dầu Khí, Số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp

theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số :PC04352

Ngày 29 tháng 04 năm 2011

N 3334 C1111 10.252.920

Người nhận tiền: Bùi Thị Ngọc Hà

Địa chỉ/Bộ phận: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán nộp thuế TNDN tạm tính quý I /2011

Số tiền: 10.252.920 VNĐ

Bằng chữ: Tám trăm nghìn đồng.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc: PKT 198

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu hai trăm năm mươi hai ngàn chín trăm hai mươi đồng.

Ngày 29 tháng 4 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.37

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày lập			Nợ	Có
			Phát sinh trong kỳ			
.....
27/04	PC04296	27/04	Thanh toán cước viễn thông tháng 3	64222	284.412	
				1331	28.441	
				1111		312.853
					
29/04	PKT198	29/04	Tạm tính thuế TNDN Quý I/2011	821	10.252.920	
				3334		10.252.920
29/04	PC04352	29/04	Thanh toán thuế TNDN tạm tính Quý I/2011	3334	10.252.920	
				1111		10.252.920
					
30/04	PC04373	30/04	Thanh toán tiền thuê máy photocopy HĐ 0000091	64222	1.000.000	
				1331	100.000	
				1111		1.100.000
					
30/04	PC04434	30/04	Thanh toán làm hàng Phú Nguyên L1104234	1388	803.000	
				15474	40.000	
				1111		843.000
					
30/04	PC04457	30/04	Thanh toán làm hàng Kido L1104018	1388	650.000	
				15474	30.000	
				1111		680.000
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.38

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí Thuế TNDN

Số hiệu : 821

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày lập			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
					
29/04	PKT198	29/04	Tạm tính thuế TNDN phải nộp quý I / 2011	3334	10.252.920	
30/7	PKT216	30/7	Tạm tính thuế TNDN phải nộp quý II	3334	13.257.412	
					
31/12	PKT417		Kết chuyển sang TK 911	911		53.505.023
			Cộng số phát sinh		53.505.023	53.505.023
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

2.2.6. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long:

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác: cục thuế, ngân hàng... Vì vậy, báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan. Nội dung báo cáo kết quả kinh doanh của công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

Kết quả sản xuất kinh doanh được công ty xác định trong niên độ tài chính là một năm từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên báo cáo tài chính năm

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

➤ **Sổ sách sử dụng:**

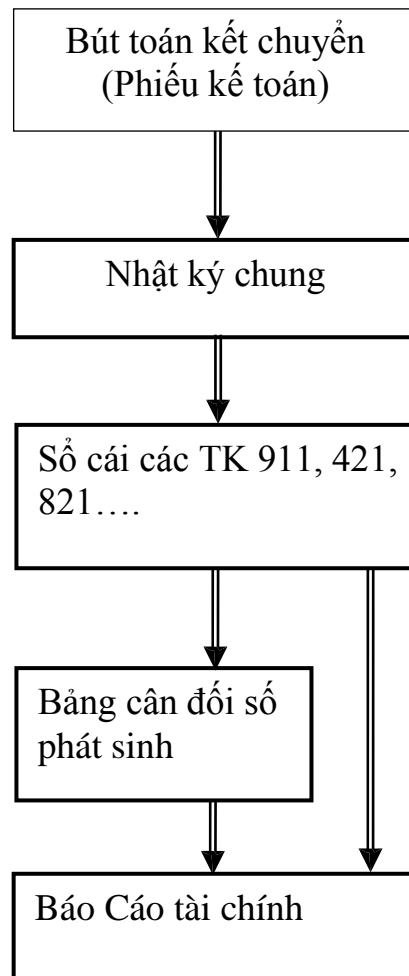
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, 421, 511, 515, 632, 635...

➤ **Tài khoản kế toán sử dụng:**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối
- Các TK có liên quan khác: TK 511, TK 515, TK 632, TK 635.....

➤ **Quy trình luân chuyển chứng từ:**

Sơ đồ 2.9: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính của công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long



VD6: Ngày 31/12/2011 , kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển ở phiếu kế toán sau đó vào sổ nhật ký chung, và sổ cái TK 911

Biểu số 2.39

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 408

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5113	911	11.181.836.329
	Tổng			11.181.836.329

Biểu số 2.40

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 409

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.327.927
	Tổng			1.327.927

Biểu số 2.41

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 410

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	10.258.390.922
	Tổng			10.258.390.922

Biểu số 2.42

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 411

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	256.582.728
	Tổng			256.582.728

Biểu số 2.43

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 412

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí nhân công	911	64221	144.888.125
	Tổng			144.888.125

Biểu số 2.44

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 413

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác	911	64222	303.715.759
	Tổng			303.715.759

Biểu số 2.45

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 414

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	20.363.636
	Tổng			20.363.636

Biểu số 2.46

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 415

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí khác	911	811	25.930.268
	Tổng			25.930.268

Biểu số 2.47

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 416

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định chênh lệch thuế TNDN	821	3334	1.023.486
	Tổng			1.023.486

Biểu số 2.48

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 417

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	53.505.023
	Tổng			53.505.023

Biểu số 2.49

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 418

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911	421	160.515.067
	Tổng			160.515.067

Biểu số 2.50

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
31/12	PKT408	31/12	Kết chuyển doanh thu sang TK 911	5113	11.181.836.329	
				911		11.181.836.329
31/12	PKT409	31/12	Kết chuyển TK 515	515	1.327.927	
				911		1.327.297
31/12	PKT410	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	10.258.390.922	
				632		10.258.390.922
31/12	PKT411	31/12	Kết chuyển TK 635	911	256.582.728	
				635		256.582.728
31/12	PKT412	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công sang TK 911	911	144.888.125	
				64221		144.888.125
31/12	PKT413	31/12	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác sang TK 911	911	303.715.759	
				64222		303.715.759
31/12	PKT414	31/12	Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	711	20.363.636	
				911		20.363.636
31/12	PKT415	31/12	Kết chuyển chi phí khác sang TK 911	911	25.930.268	
				811		25.930.268
31/12	PKT416	31/12	Xác định số chênh lệch thuế TNDN	821	1.023.486	
				3334		1.023.486
31/12	PKT417	31/12	Kết chuyển 821	911	53.505.023	
				821		53.505.023
31/12	PKT418	31/12	Kết chuyển lãi	911	160.515.067	
				421		160.515.067
			Cộng phát sinh		120.636.996.627	120.636.996.627

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.51

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Năm: 2011

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày lập			Nợ	Có
			Phát sinh trong kỳ			
.....
31/12	PKT408	31/12	Kết chuyển doanh thu sang TK 911	5113		11.181.836.329
31/12	PKT409	31/12	Kết chuyển TK 515	515		1.327.297
31/12	PKT410	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	10.258.390.922	
31/12	PKT411	31/12	Kết chuyển TK 635	635	256.582.728	
31/12	PKT412	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công sang TK 911	64221	144.888.125	
31/12	PKT413	31/12	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác sang TK 911	64222	303.715.759	
					
31/12	PKT17	31/12	Kết chuyển TK821	821	53.505.023	
31/12	PKT18	31/12	Kết chuyển lãi	421	160.515.067	
			Cộng phát sinh		11.183.163.626	11.183.163.626
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.52

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu : 421

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>24.075.628</u>
31/12	PKT18	31/12	Kết chuyển lãi	911		160.515.067
			Cộng số phát sinh			160.515.067
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>184.590.695</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Người nộp thuế: Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Mã số thuế: 0200941452

Địa chỉ trụ sở: Phòng 106 KS Dầu Khí, Số 427 Đà Nẵng.

Quận Huyện: Hải An

Tỉnh/Thành Phố: Hải Phòng

Điện thoại: 031.361.4588

Fax: 031.3614589

Email: odc@odc.vn

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.181.836.329	2.043.009.426
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		11.181.836.329	2.043.009.426
4	Giá vốn hàng bán	11		10.258.390.922	1.790.096.634
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		923.445.407	252.912.792
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.327.927	476.567
7	Chi phí lãi vay	22		256.582.728	18.644.167
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		253.558.628	13.348.140
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		448.603.884	200.539.285
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 -24)	30		219.586.722	33.232.773
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		219.586.722	33.232.773
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		54.896.681	8.308.193
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 -51)	60		164.690.042	24.924.580

Người lập biểu

Kế toán trưởng

CHƯƠNG 3:

BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN HẢI LONG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

3.1.1. Ưu điểm:

➤ ***Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:***

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

➤ ***Về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:***

Bộ máy kế toán được tổ chức có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, bố trí công việc hợp lý, phù hợp với năng lực của từng người, không những thế cán bộ kế toán công ty còn không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao. Đồng thời các nhân viên kế toán đều có khả năng làm việc độc lập, năng động nhạy bén trong công việc của mình. Hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh chính xác kịp thời và theo đúng chuẩn mực kế toán của bộ tài chính.

➤ ***Về Chứng từ kế toán:***

Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh, tạo điều kiện cho kiểm tra đối chiếu, các chứng từ được lưu trữ chặt chẽ, khoa học .

➤ ***Về sổ sách kế toán:***

Sổ sách kế toán được thực hiện sạch sẽ, rõ ràng, và được lưu trữ chung theo đúng chuẩn mực qui định của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, nên việc ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ đối chiếu, kiểm tra.

➤ ***Về hệ thống tài khoản sử dụng:***

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

➤ ***Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty:***

- Về công tác kế toán doanh thu: Kế toán thực hiện đúng nguyên tắc ghi nhận doanh thu. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được phản ánh 1 cách kịp thời, chính xác.

- Về công tác kế toán chi phí: Việc tổ chức kế toán chi phí tại công ty khá chặt chẽ, chính xác và đảm bảo nguyên tắc ghi nhận chi phí. Và đây là công tác kế toán được nhà quản lí hết sức quan tâm, chú trọng.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty được thực hiện một cách kịp thời và chính xác, đáp ứng được yêu cầu quản lý của Giám đốc, cũng như đảm bảo tính chính xác, tin cậy cho các cơ quan thuế, kiểm toán, ngân hàng... xem xét kiểm tra.

3.1.2.Nhược điểm:

➤ ***Về ứng dụng phần mềm kế toán:***

Công việc ghi chép hạch toán kế toán chưa có phần mềm kế toán riêng nên kế toán phải làm trên excel, do khối lượng công việc hàng ngày phát sinh nhiều gây khó khăn cho kế toán, đôi khi công việc bị chậm, và vất vả cho công tác kế toán, gây áp lực công việc cho kế toán. Vì vậy công ty nên đầu tư phần mềm kế toán phù hợp với tính chất công việc của doanh nghiệp, để tăng hiệu quả của công tác kế toán.

➤ ***Về việc mở sổ sách:***

Công ty không mở sổ nhật ký chuyên dùng như nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền để tiện theo dõi khoản tiền thu chi, phát sinh của doanh nghiệp.

➤ ***Về công tác quản lý công nợ:***

Đây là vấn đề thường gặp ở những công ty vận tải. Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc thu hồi các khoản nợ, do khách hàng chiếm dụng vốn để kinh doanh, công ty rất khó khăn xoay vòng vốn để làm hàng cho các khách hàng khác. Điều này làm giảm doanh thu của doanh nghiệp.

➤ ***Về việc tính và chi trả lương:***

Việc tính và chi trả lương ở công ty không được thống nhất, công ty chưa trích các khoản trích theo lương theo đúng quy định của nhà nước. Đặc biệt chưa trích lập kinh phí công đoàn để đảm bảo quyền lợi hoạt động cho nhân viên công ty. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc tính chi phí sản xuất không được chính xác.

➤ ***Về tổ chức nhân sự:***

Ở công ty chỉ có 2 kế toán: kế toán trưởng phải kiêm luôn thủ quỹ và kế toán lương, như vậy công việc luôn chồng chéo gây áp lực cho kế toán, đồng thời không hiệu quả. Khi có 1 người nghỉ ốm, phòng kế toán chỉ còn 1 người sẽ gây khó khăn cho việc giải quyết công việc tại công ty, do nghiệp vụ kinh tế phát sinh thường ngày rất nhiều.

➤ ***Về công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh:***

Kế toán công ty chưa tiến hành mở sổ chi tiết cho chi phí bán hàng để tiện theo dõi, xác định chi phí 1 cách chính xác, mà kế toán lại gộp luôn chi phí bán hàng vào chi phí bằng tiền khác(64222) để định khoản.

3.2. Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hết sức quan trọng trong mỗi doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp, công ty tư nhân cạnh tranh hết sức gay gắt, do vậy mỗi doanh nghiệp cần nắm rõ được tình hình hoạt động của công ty mình 1 cách chính xác và kịp thời từ đó đề ra những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của

doanh nghiệp mình. Đồng thời những đối tác làm ăn, những nhà đầu tư cũng cần biết rõ những số liệu chính xác doanh nghiệp để có những quyết định đúng đắn. Tình hình hoạt động của một doanh nghiệp có thể được đánh giá thông qua nhiều mặt, từ nhiều nguồn thông tin khác nhau. Tuy nhiên, thông tin mà phòng kế toán cung cấp là hết sức quan trọng, không thể bỏ qua, là một trong những yếu tố đưa ra những quyết định của nhà đầu tư, cũng như đối tác làm ăn.

Trên thực tế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chỉ dừng ở mức độ ghi chép, phản ánh thông tin kế toán mà chưa có những tác động tích cực, những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mình để giúp cho chủ doanh nghiệp có những biện pháp làm tăng doanh thu, giảm chi phí và thu lợi nhuận cao cho doanh nghiệp, đồng thời đề ra những mục tiêu chiến lược phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng và cấp thiết tại mỗi doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long nói riêng để phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

- Nguyên tắc thống nhất:
 - + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
 - + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán, và phương pháp hạch toán
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho quá trình chỉ đạo kinh doanh
- Hoàn thiện dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, và các chuẩn mực kế toán của nhà nước, nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt.
- Hoàn thiện phải phù hợp đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm

tạo hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới.

3.2.3. Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán Công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế. Bài viết xin đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao công tác quản lý chi phí tại Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long như sau:

3.2.3.1. Biện pháp 1: Ứng dụng phần mềm kế toán trong tổ chức tại công ty

Trên thực tế đã có rất nhiều doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán để đưa vào công tác hạch toán kế toán. Với cách ứng dụng khoa học công nghệ này sẽ giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng.

Công ty có thể đi mua phần mềm của nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp và nổi tiếng trên thị trường như:

- Phần mềm kế toán **MISA** của Công ty cổ phần **MISA**.
- Phần mềm kế toán **ACMAN** của Công ty cổ phần **ACMAN**.
- Phần mềm kế toán **FAST** của Công ty cổ phần **FAST**.

Khi thực hiện giải pháp này sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế- tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, hiệu quả công việc cao đồng thời lưu trữ bảo quản dữ liệu thuận lợi và an toàn.

3.2.3.2. Biện pháp 2: Hoàn thiện về sổ sách kế toán

Do đặc thù kinh doanh, một ngày ở công ty phát sinh rất nhiều nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền để làm hàng, vì vậy công ty nên mở sổ nhật ký thu tiền, và nhật ký chi tiền để tiện theo dõi hoạt động thu, chi tiền mặt tại công ty. Đồng thời mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi hoạt động bán hàng và công nợ cho hiệu quả.

VD: Ngày 30/04/2011 Công ty thanh toán tiền làm hàng TadLack L1104235. Từ Phiếu chi PC04439, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản đồng thời ghi sổ nhật ký chi tiền

VD: Ngày 18/01/2011, nhân viên Bùi Việt Hà hoàn ứng làm hàng CKTL – 1101010, số tiền 4.000.000. Kế toán lập phiếu thu, sau đó vào sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản đồng thời ghi sổ nhật ký thu tiền.

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long
 Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, Hp

Biểu số 3.2

Mẫu số S03a1- DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm: 2011

Chứng từ		Diễn Giải	Ghi Có TK 111	Ghi nợ các tài khoản					
Số Hiệu	Ngày tháng			112	133	154	331	Tài khoản khác	
								Số tiền	Số hiệu
								
PC04296	27/04	Thanh toán cước viễn thông	312.853		28.441			284.412	642
								
PC04434	30/04	Thanh toán làm hàng Phú Nguyễn L1104234	843.000			40.000		803.000	138
								
PC04439	30/04	Thanh toán làm hàng TadLack L1104235	1.978.500		171.682	1.806.818			
								
		Tổng cộng							
		Tổng số tiền chi trong kỳ							

NHẬT KÝ THU TIỀN
Năm: 2011

Chứng từ		Diễn Giải	Ghi Nợ TK 111	Ghi Có các tài khoản					
Số Hiệu	Ngày tháng			112	131	511	333	Tài khoản khác	
								Số tiền	Số hiệu
								
PT01063	18/01	Hoàn ứng làm hàng CKTL - 1101010	4.000.000					4.000.000	141
								
PT04125	30/04	Thu hộ cước biển Hải Phòng Bangkok	9.382.500					9.382.500	338
								
PT05189	19/05	Thanh toán tiền làm hàng công ty TNHH Ryhing Việt Nam	1.814.472			1.649.520	164.952		
		Tổng cộng							
		Tổng số tiền chi trong kỳ							

Biểu số 3.3

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long
 Địa chỉ: Phòng 106KS Dầu Khí, số 427 Đà Nẵng, Hải An, HP

Mẫu số: S03a4- DNN
 (ban hành theo
 QĐsố:48/2006/QĐ-BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG
Năm: 2011

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua(ghi Nợ)	Ghi Có tài khoản doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hóa	Thành phẩm	Dịch vụ
			Số trang trước chuyển sang				
						
25/03	HD 0000308	25/03	Thanh toán cước vận chuyển tháng 3 của công ty TNHH thương mại và vận tải An Phát	12.568.726			X
26/03	HD0000309	26/03	Thanh toán cước vận chuyển tháng 3 của Công ty Cổ Phần sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn	8.976.258			X
26/03	HD0000310	26/03	Thanh toán cước vận chuyển tháng 3 của công ty TadLack	15.268.746			X
						
			Cộng chuyển sang trang sau				

3.2.3.3. Biện pháp 3: Hoàn thiện về công tác quản lý công nợ

Để đẩy mạnh công tác cung cấp dịch vụ, thu hồi nhanh chóng tiền cung cấp dịch vụ, Công ty cần có chính sách khuyến khích với khách hàng bằng việc thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán. Để thực hiện chiết khấu thanh toán, công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Có thể quy định mức chiết khấu như sau:

- Những khoản nợ dưới 3 tháng được hưởng chiết khấu 0.5%
- Những khoản nợ từ trên 3 tháng đến 6 tháng được hưởng chiết khấu 1%

Đồng thời công ty không nên để khách hàng nợ nhiều để lâu và tồn đọng nợ trong thời gian dài, có thể dùng biện pháp như ngừng cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”.

Với biện pháp thực hiện chiết khấu thanh toán với khách hàng, thúc đẩy quá trình tiêu thụ và xoay vòng vốn cho kinh doanh. Với chính sách chiết khấu này công ty không chỉ giữ được khách hàng truyền thống mà còn tăng được lượng khách hàng trong tương lai.

VD: Tổng cộng cước vận chuyển tháng 12 của công ty Kido là: 97.750.000 đồng (bao gồm cả VAT 10%). Do công ty thanh toán sớm trước hạn là 45 ngày nên được hưởng chiết khấu là: $97.750.000 \times 0.5\% = 488.750$

Kế toán sẽ định khoản:

Nợ TK 635: 488.750

Có TK 131: 488.750

Kế toán ghi sổ nhật kí chung và sổ cái tài khoản có liên quan.

3.2.3.4. Biện pháp 4: Hoàn thiện về chi phí tiền lương:

Để đảm bảo việc tính chi phí cho từng đối tượng sau đó tập hợp chi phí 1 cách chính xác, công ty cần trích các khoản theo lương theo đúng qui định của nhà nước, đồng thời lập bảng trích và phân bổ chi phí cho từng đối tượng. Từ đó, giúp nhà quản lý nắm rõ được chi phí của từng đối tượng một cách cụ thể và chính xác nhất.

VD: Ngày 31/12/2011 kế toán tính và trích lương phải trả tháng 12/2011 cho cán bộ công nhân viên số tiền là:

Kế toán tính ra lương phải trả

Nợ TK 1541 : 5.102.500

Nợ TK 1542 : 9.707.000

Nợ TK 15472 : 48.500.000

Nợ TK 1545 : 19.462.800

Nợ TK 64221 : 19.105.600

Có TK 334 : 101.877.900

Trích bảo hiểm trừ vào lương công nhân viên:

Nợ TK 334 : 5.695.247

Có TK 338 : 5.695.247

Trong việc trích lương tính vào chi phí kế toán đã không trích lập theo đúng tỷ lệ qui định hiện hành theo năm 2011(8.5% trích từ lương người lao động, và 22% trích tính vào chi phí), đồng thời kế toán không trích lập kinh phí công đoàn để đảm bảo quyền lợi hoạt động cho nhân viên công ty. Tất cả điều này sẽ ảnh hưởng đến việc tính chi phí sản xuất không được chính xác.

Kế toán đã trích lương như sau:

Nợ TK 1541: 705.500

Nợ TK 1542: 1.311.400

Nợ TK 1545: 2.242.560

Nợ TK 15472: 6.700.000

Nợ TK 64221: 2.441.120

Có TK 338: 13.400.580

Thanh toán tiền lương tháng 12/2011:

Nợ TK 334 : 96.182.654

Có TK 1111 : 96.182.654

Theo đúng qui định hiện hành năm 2011 kế toán phải định khoản như sau:

Kế toán tính ra lương phải trả:

Nợ TK 1541 : 5.102.500

Nợ TK 1542 : 9.707.000

Nợ TK 15472 : 48.500.000

Nợ TK 1545 : 19.462.800

Nợ TK 64221 : 19.105.600

Có TK 334 : 101.877.900

Trích bảo hiểm trừ vào lương công nhân viên:

Nợ TK 334 : 5.695.247

Có TK 338 : 5.695.247

Trích lương tính vào chi phí:

Nợ TK 1541: 807.550

Nợ TK 1542: 1.505.540

Nợ TK 1545: 2.631.816

Nợ TK 15472: 7.670.000

Nợ TK 64221: 2.823.232

Có TK 338: 15.438.138

Thanh toán tiền lương tháng 12/2011:

Nợ TK 334 : 96.182.654

Có TK 1111 : 96.182.654

Việc thay đổi cách tính các khoản trích theo lương làm cho chi phí giá vốn giảm 1.655.446 (đồng) và chi phí kinh doanh giảm 382.112 (đồng), tổng chi phí các khoản trích theo lương giảm 2.037.558 đồng. Điều này làm cho lợi nhuận thuần tăng 2.037.558 (đồng).

Biểu số 3.4

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 12/2011

STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Lương tối thiểu	HS Lương	Lương cơ bản	Phụ Cấp Chức Vụ	Phụ cấp trách nhiệm	Tổng Thu nhập	Các khoản giảm trừ				Cònlinh	Ký Nhận
									BHXH(6%)	BHYT(1.5%)	BHTN(1%)	Cộng		
1	Phạm Hùng Sơn	Dierector	830,000	4.5	3,735,000	900,000	1,275,000	5,910,000	224,100	56,025	37,350	317,475	5,592,525	
3	Đỗ Thị Hà	Account	830,000	4.23	3,510,900	500,000	875,000	4,885,900	210,654	52,664	35,109	298,427	4,587,474	
													
	Bộ phận QLDN				12,205,600			19,105,600	732,336	183,084	122,056	1,037,476	18,068,124	
5	TRẦN Thị Minh Hằng	Ops Manager	830,000	4.25	3,527,500	500,000	1,075,000	5,102,500	211,650	52,913	35,275	299,838	4,802,663	
	Bộ phận hàng xuất				3,527,500			5,102,500	211,650	52,913	35,275	299,838	4,802,663	
7	Lâm Thanh Thùy	Inland	830,000	3.95	3,278,500	500,000	1,075,000	4,853,500	196,710	49,178	32,785	278,673	4,574,828	
8	Vũ Thị Huyền	Inland	830,000	3.95	3,278,500	500,000	1,075,000	4,853,500	196,710	49,178	32,785	278,673	4,574,828	
	Bộ phận hàng nhập				6,557,000			9,707,000	393,420	98,355	65,570	557,345	9,149,655	
10	Bùi Việt Hà	Logistic	830,000	3.98	3,303,400	500,000	1,075,000	4,878,400	198,204	49,551	33,034	280,789	4,597,611	
11	Nguyễn Thu Phương	Logistic	830,000	3.98	3,303,400	500,000	1,075,000	4,878,400	198,204	49,551	33,034	280,789	4,597,611	
													
12	Bộ phận logistic				11,212,800			19,462,800	672,768	168,192	112,128	953,088	18,509,712	
13	Vũ Trọng Tâm	Driver Assistant			1,300,000			4,700,000	78,000	19,500	13,000	110,500	4,589,500	
14	Nguyễn TRọng Điệp	Driver			1,500,000			4,900,000	90,000	22,500	15,000	127,500	4,772,500	
15	Nguyễn Mạnh Tuấn	Driver Assistant			1,300,000			4,300,000	78,000	19,500	13,000	110,500	4,189,500	
16	Đặng Minh Tuấn	Driver			1,500,000			4,500,000	90,000	22,500	15,000	127,500	4,372,500	
													
	Bộ phận lái xe				33,500,000			48,500,000	2,010,000	502,500	335,000	2,847,500	45,652,500	
	Tổng cộng				67,002,900			101,877,900	4,020,174	1,005,044	670,029	5,695,247	96,182,654	

BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG THÁNG 12/2011

Biểu số 3.5

Đơn vị tính: đồng

Ghi có TK Nợ TK	TK 334	TK 338(tính vào chi phí)					Tổng cộng
		BHXH(16%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng (22%)	
TK 1541	5.102.500	564.400	105.825	35.275	102.050	807.550	5.910.050
TK 1542	9.707.000	1.049.120	196.710	65.570	194.140	1.505.540	11.212.540
TK 15472	48.500.000	5.360.000	1.005.000	335.000	970.000	7.670.000	56.170.000
TK 1545	19.462.800	1.794.048	336.384	112.128	389.256	2.631.816	22.094.616
TK 64221	19.105.600	1.952.896	366.168	122.056	382.112	2.823.232	21.928.832
Cộng	101.877.900	10.720.464	2.010.087	670.029	2.037.558	15.438.138	117.316.038

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.2.3.5. Biện pháp 5: Hoàn thiện về tổ chức nhân sự:

Cần bổ sung nhân sự cho phòng kế toán, do số lượng kế toán còn thiếu so với quy mô hoạt động và khối lượng công việc thực tế đòi hỏi. Hơn nữa hình thức ghi sổ là hình thức nhật kí chung, nên công việc thường dồn vào cuối kì kế toán, mà khối lượng công việc thường dồn vào kế toán trưởng. Do vậy việc cung cấp thông tin cho ban giám đốc, cũng như lập báo cáo tài chính sẽ gặp rất nhiều khó khăn, khó có thể đảm bảo về mặt thời gian cũng như độ chính xác. Vì vậy, công ty nên tăng thêm 1 nhân viên kế toán thủ quỹ, tiền lương để đảm bảo công việc được hiệu quả giảm bớt gánh nặng công việc cho phòng kế toán.

3.2.3.5. Biện pháp 6: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, do đặc thù kinh doanh dịch vụ về vận tải nên công ty mở TK 139 – “dự phòng phải thu khó đòi” và chi tiết cho từng khách hàng là cần thiết.

Phải thu khó đòi là những khoản nợ mà người nợ có hoặc không có khả năng trả nợ đúng hạn trong năm kế hoạch. Doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm

Việc trích lập dự phòng khó đòi còn phải dựa trên khả năng thanh toán của

khách hàng.

+Ước tính đối với khách hàng đáng ngờ (dựa vào thời gian quá hạn thực tế):

$$\begin{array}{l} \text{Số dự phòng cần lập} \\ \text{cho niên độ tới của} \\ \text{khách hàng đáng ngờ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số nợ phải thu} \\ \text{khách hàng} \\ \text{đáng ngờ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỉ lệ ước tính} \\ \text{khoản thu được} \\ \text{của khách hàng} \end{array}$$

Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

- *Phương pháp hạch toán:*

+ Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay lớn hơn dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 139: trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139: dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: chi phí quản lý kinh doanh

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Hoặc ghi Có TK 138: phải thu khác

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý (Để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ)

Đối với khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ 111, 112: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 711: thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

Cụ thể, đối với công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long, căn cứ vào bảng kê công nợ phải thu của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kế toán có thể trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Đơn vị: Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long

Địa chỉ: Phòng 106, KS Dầu Khí số 427 Đà Nẵng, Hải An, HP

Mẫu số: S02b - DNN

Ban hành theo QĐ48/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG KÊ CÔNG NỢ PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2011

STT	Tên khách hàng	Số nợ phải thu	Thời gian quá hạn thanh toán (tháng)	Khả năng thanh toán (%)	Tỉ lệ trích lập dự phòng (%)	Số trích lập dự phòng
1	Cty TNHH may mặc quốc tế Phú Nguyên	67.859.456	6		30%	20.357.837
2	Cty TNHH KIDO Hà Nội	57.628.489	15		50%	28.814.245
3	Công ty TNHH Minh Anh	120.486.563	30		70%	84.340.594
	Cộng	245.974.508				133.512.676

Hải phòng ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, họ tên)

Giám đốc

(Kí, họ tên, đóng dấu)

Sau khi trích lập dự phòng, kế toán ghi:

Nợ TK642: 133.512.676

Có TK139: 133.512.676

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ mục tiêu con đường phát triển của mình. Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Thông qua hạch toán doanh thu chi phí, và xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, và các đối tượng tìm hiểu về doanh nghiệp mới biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không từ đó xác định được chiến lược mục tiêu cụ thể để phát triển kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể.

Khoá luận: “ *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long*” của em đã đề cập đến những vấn đề sau:

Về lý luận: Khoá luận đã nêu được một số vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh một cách đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, đồng thời sử dụng số liệu năm 2011 để chứng minh cho những lập luận đã nêu.

Về kiến nghị: Nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long, từ thực tế nắm bắt được đối chiếu với những lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu, sách báo khoá luận đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện Công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng.

Các kiến nghị đề xuất mới chỉ là bước đầu mang nặng tính lý luận song cũng là những vấn đề để Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Long tham khảo, và phần nào có thể thực hiện nếu thấy phù hợp với công ty mình.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, các phòng ban và đặc biệt là các anh chị trong phòng kế toán của Công ty đã tạo điều kiện, giúp đỡ em rất nhiều trong giai đoạn thực tập tại công ty và hoàn thành đợt thực tập của mình.

Em cũng xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn thực tập – thạc sĩ Nguyễn Thị Thu đã tận tình chỉ bảo hướng dẫn em hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên, do thời gian có hạn và trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, các anh chị kế toán của Công ty cũng để báo cáo thực tập của em được hoàn thiện hơn.

Em rất mong được sự xem xét đánh giá và chỉ bảo của các thầy, cô giáo. Điều đó sẽ giúp em rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho bản thân mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 2 tháng 7 năm 2012

Sinh viên